

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Hồng Hạnh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN
VẬN TẢI PHÚC SƠN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Hồng Hạnh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Hồng Hạnh

Mã SV: 1412401114

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty CP thương mại và vận tải
Phúc Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp(về lý luận,thực tiễn,các số liệu tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

- Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế,tính toán.

- Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cp thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 06 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 04 tháng 09 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Hồng Hạnh

ThS. Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2018

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2 Nhiệm vụ của của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	8
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	17
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	26
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	27
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	28
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	31
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	32
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN	35
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN.....	35

2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển	35
2.1.2	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty	36
2.1.3.	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn	37
2.1.3.1	Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.....	37
2.1.3.2.	Hình thức và chế độ kế toán áp dụng	38
2.2.	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN.....	40
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.....	40
2.2.2	Kế toán giá vốn bán hàng	46
2.2.3	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	55
2.2.4	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	62
2.2.5	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	68
2.2.6	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	68
	CHƯƠNG 3:MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN	77
3.1.	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN.....	77
3.1.1.	Ưu điểm.....	77
3.1.2	Những mặt còn hạn chế	78
3.2.	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN.	80
3.2.1.	Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	80
3.2.2.	Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	80
3.2.3.	Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.....	81
	KẾT LUẬN	90
	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	91

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và phát triển thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh. Mục tiêu của kinh doanh là lợi nhuận, bên cạnh đó cũng có không ít rủi ro. Muốn có được thành công đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm tòi nghiên cứu thị trường, trên cơ sở đó đưa ra quyết định các sản phẩm tiêu thụ. Để phản ánh và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người quản lý kinh doanh nhằm đưa ra quyết định đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học hợp lý. Công tác kế toán còn thực hiện chức năng phản ánh một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả mọi hoạt động kinh doanh, kiểm tra sử dụng vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó, em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn tốt nghiệp bao gồm 3 phần:

Phần I: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh tại doanh nghiệp thương mại .

Phần II: Thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

Phần III: Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

Do đây là lần đầu em tiếp xúc với công việc thực tế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót hạn chế trong quá trình tìm hiểu trình bày và đánh giá về công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn nên em rất mong nhận được sự đóng góp của thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải , đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Th.S Lê Thị Nam Phương!

CHƯƠNG 1:
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lí và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Nhiệm vụ của của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.3.1 Doanh thu

• Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

• Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

✓ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi

người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

✓ **Tiêu thụ theo phương thức bán hàng đại lý:** theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

✓ **Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:** phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

✓ **Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

✓ **Tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

➤ **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán:** là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

➤ **Thuế GTGT phải nộp, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất khẩu**

-*Thuế GTGT phải nộp*: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

-*Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

-*Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ **Thu nhập khác**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh*: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành... Và các

khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

❖ *Chi phí khác:* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:* là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu bán} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn hàng} \\ \text{từ hoạt} & & \text{hàng và cung} & & \text{giảm trừ} & & \text{bán, Chi phí} \\ \text{động SXKD} & = & \text{cấp dịch vụ} & - & \text{doanh thu} & - & \text{quản lý KD} \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & = & \text{Doanh thu hoạt động tài chính} & - & \text{Chi phí tài} \\ \text{tài chính} & & & & \text{chính} \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- *Thuế TNDN phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.1.3.4 Nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy được vai trò kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nhiệm vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan của khối lượng hàng bán(giá bán, doanh thu thuần...)

- Quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ khi hàng hóa phát hiện, xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- **Kết cấu**

- Bên nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 :Chiết khấu thương mại

- Tài khoản 5212 :hàng bán bị trả lại

- Tài khoản 5213 :giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

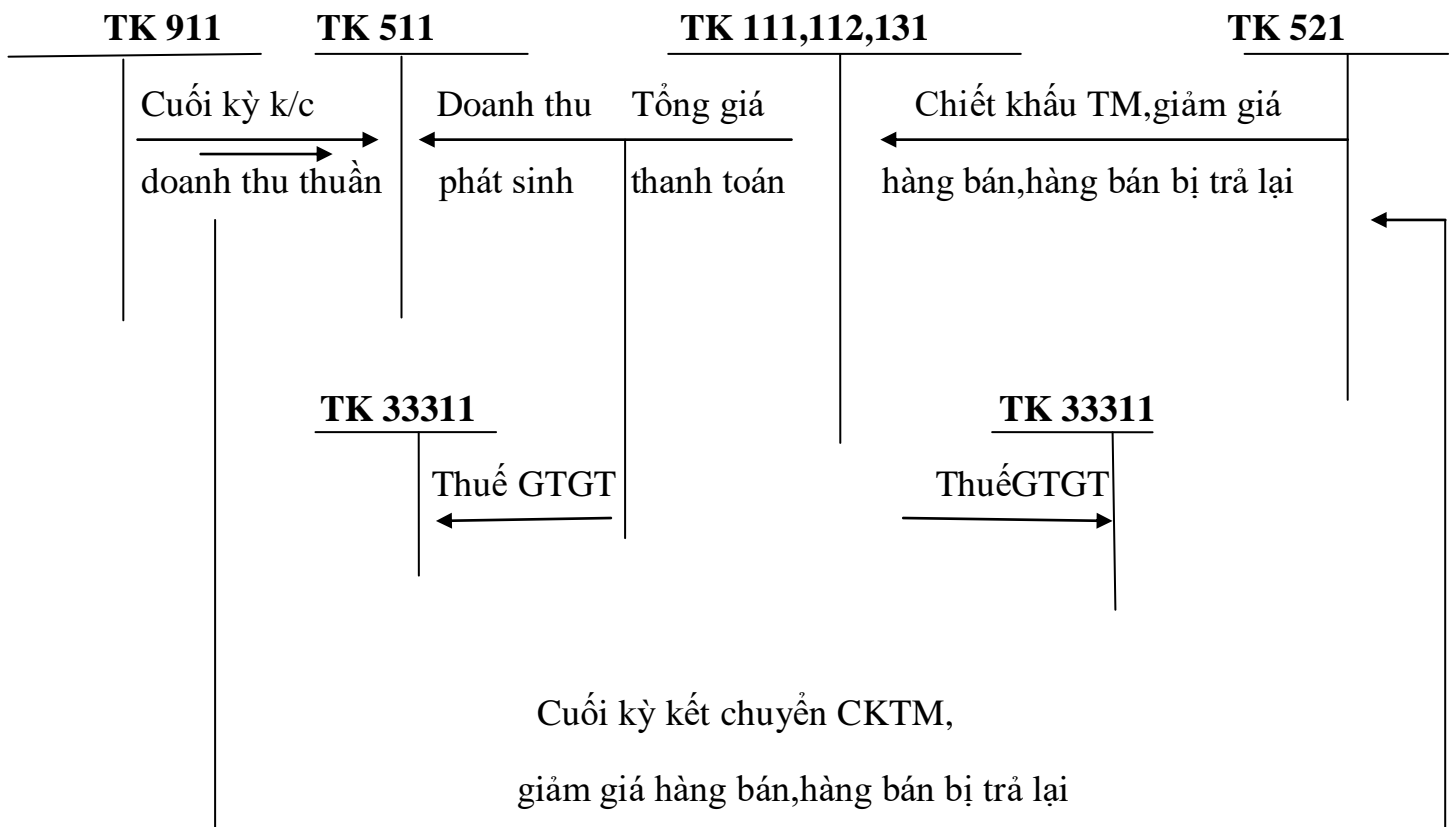
- Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp;

- Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt;

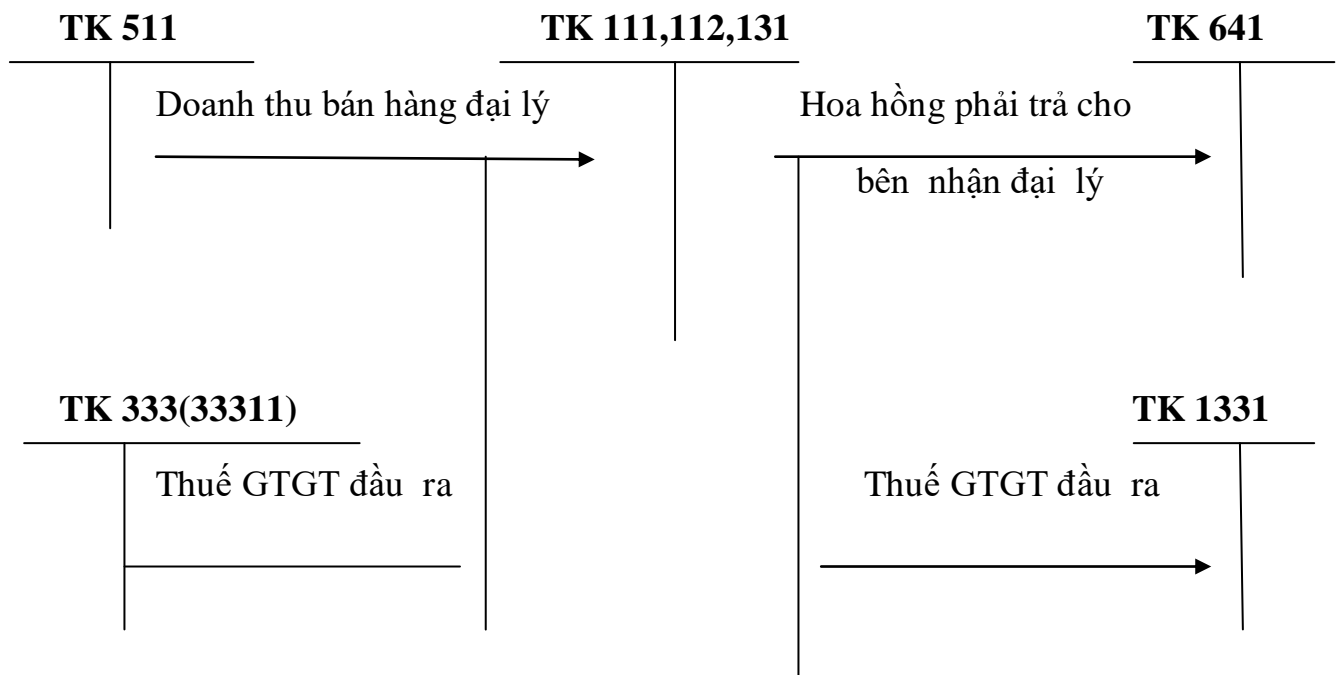
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

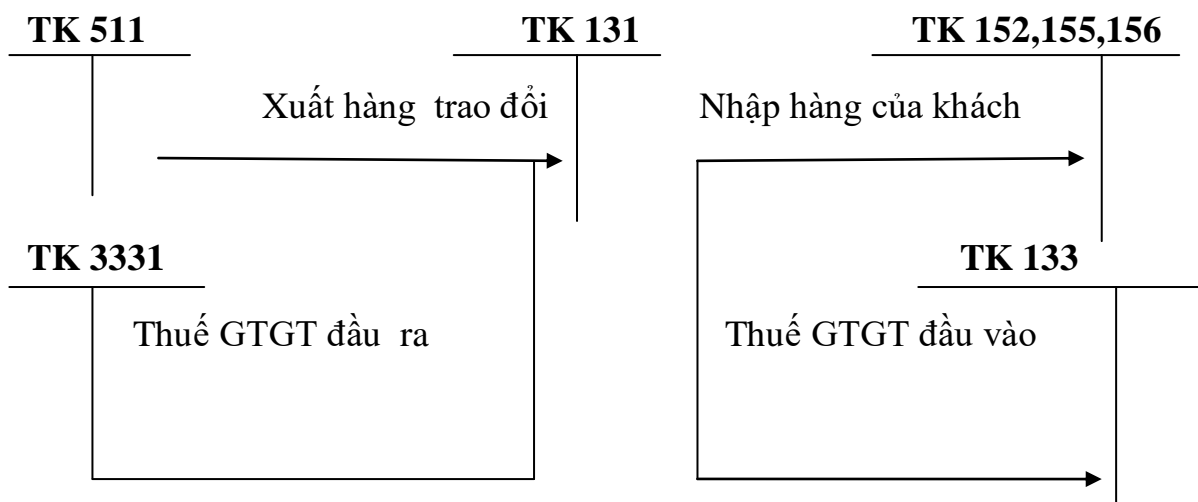
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương pháp trực tiếp



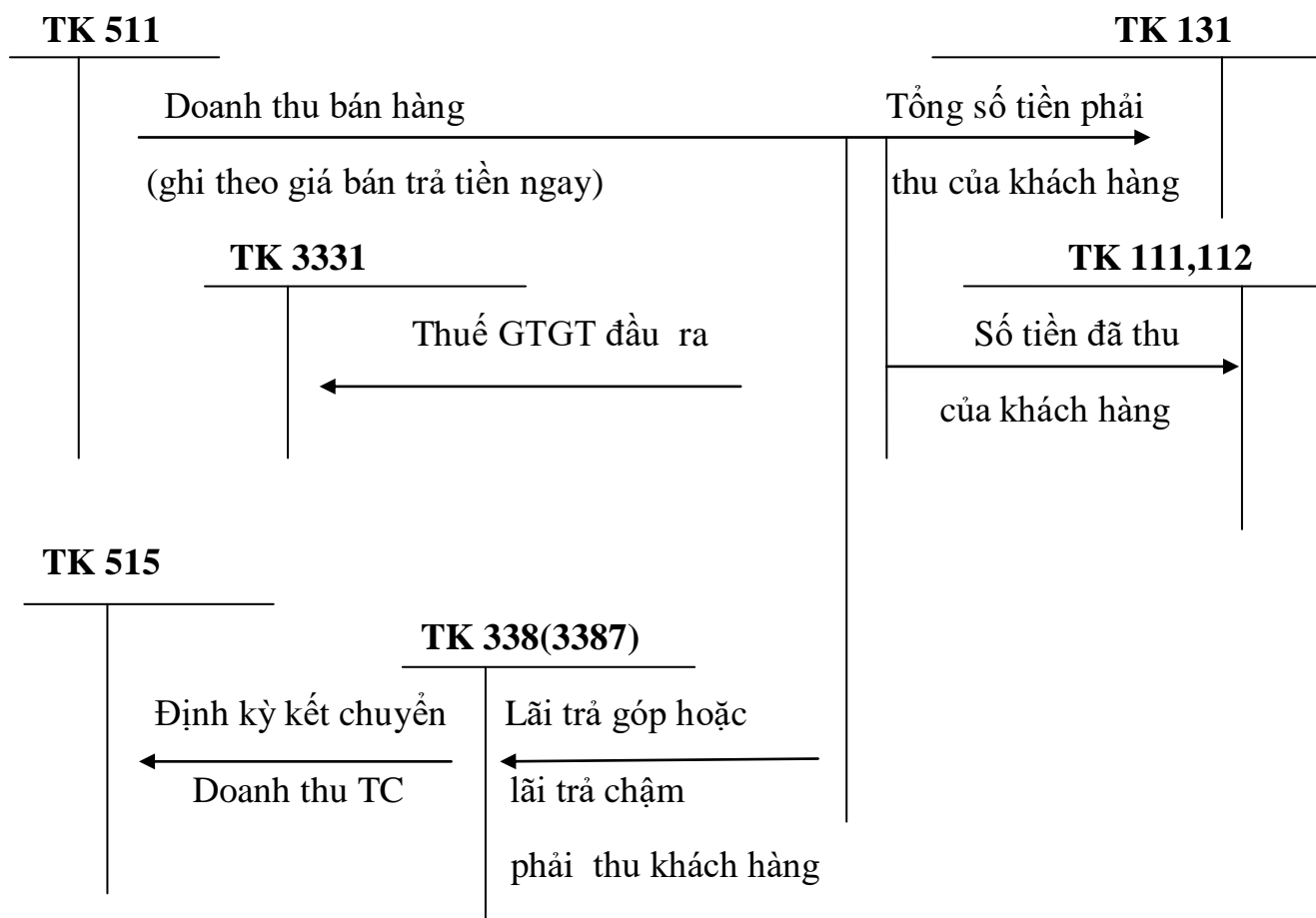
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 632* - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

• Kết cấu

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

▪ **Bên nợ:**

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

▪ **Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

▪ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

• Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

▪ **Bên nợ:**

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

▪ **Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nung chưa tiêu thụ.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển giá vốn thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào bên nợ TK 911”Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ **Tài khoản 631-Giá thành sản xuất**

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các đơn vị kinh doanh vận tải...trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

▪ **Bên nợ:**

-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ.

-Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

▪ **Bên có:**

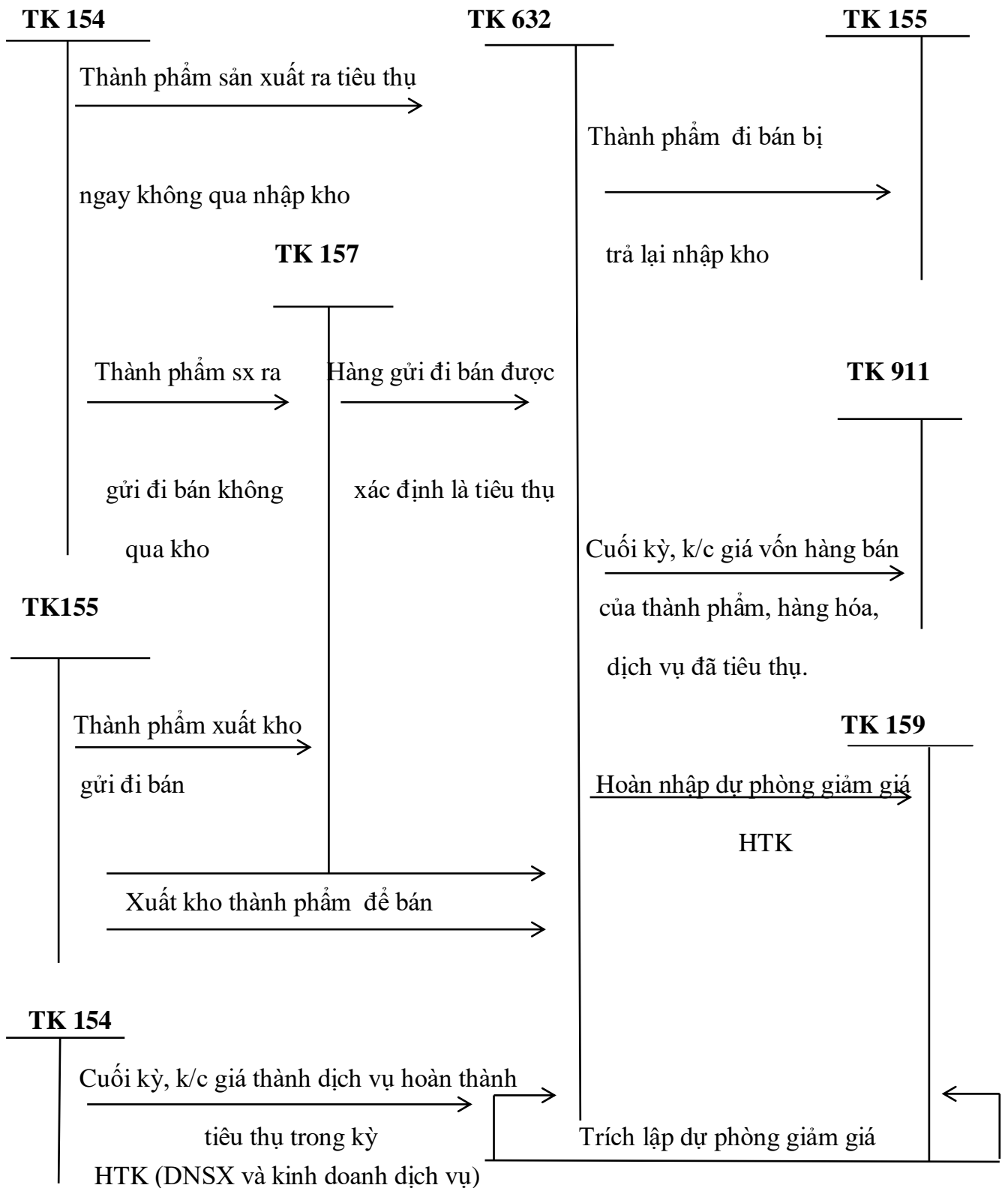
-Giá thành sản phẩm nhập kho,dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632”Giá vốn hàng bán”.

-Chi phí sản xuất kinh doanh ,dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154”Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

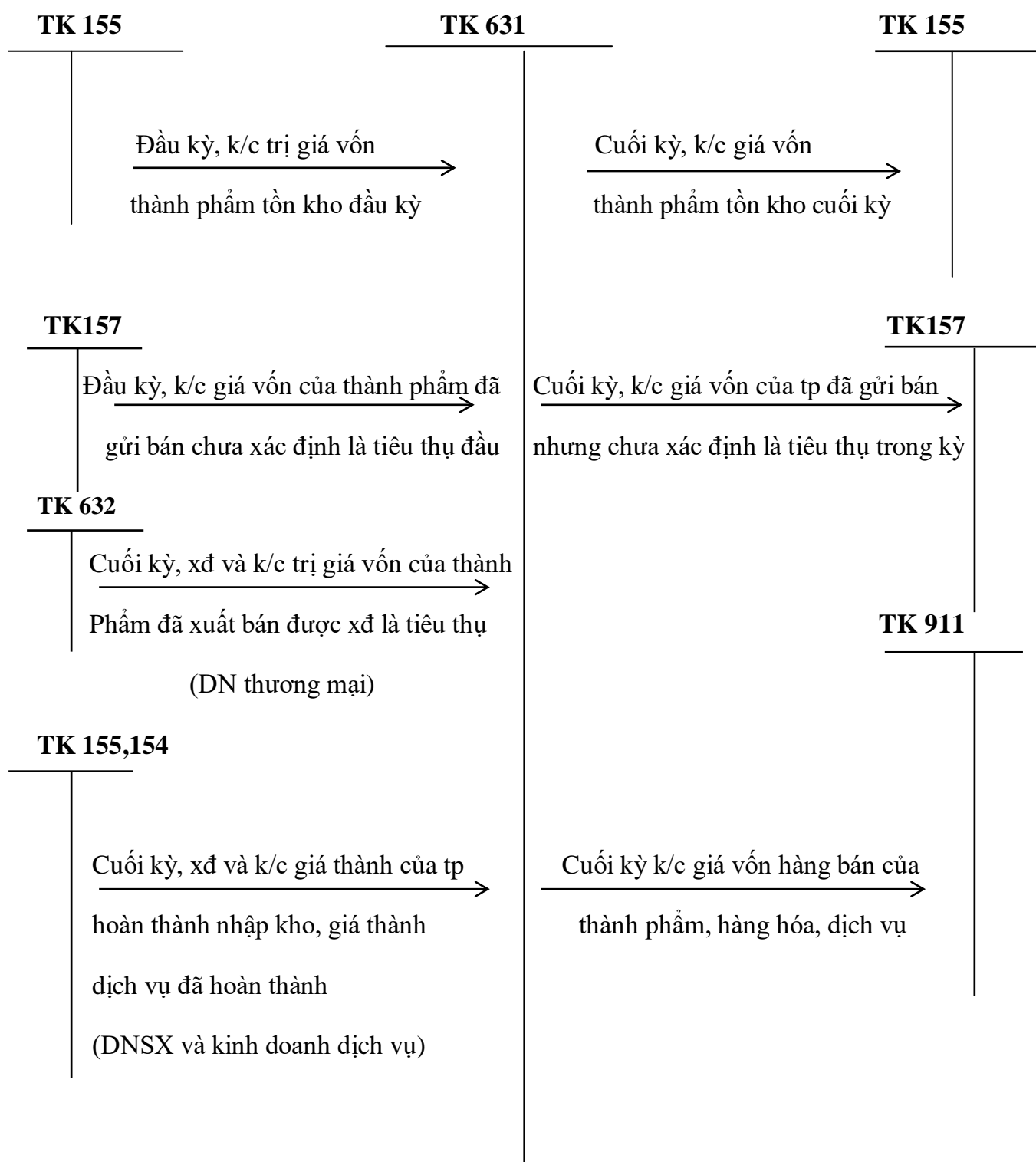
- **Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.**

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515** - Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 -

“Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 635** - Chi phí tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

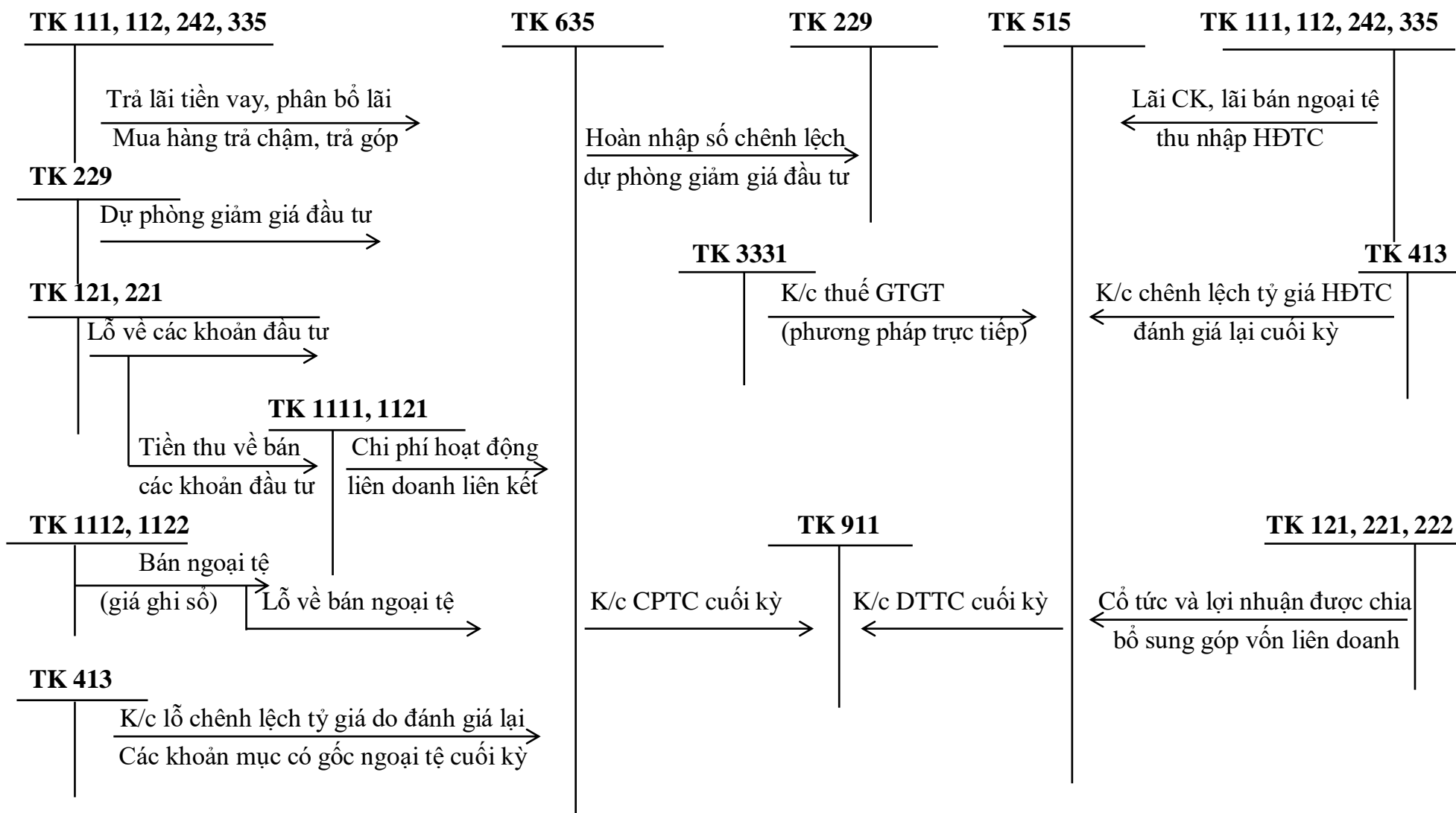
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT: giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ *Tài khoản 642* - Chi phí quản lý kinh doanh

- Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

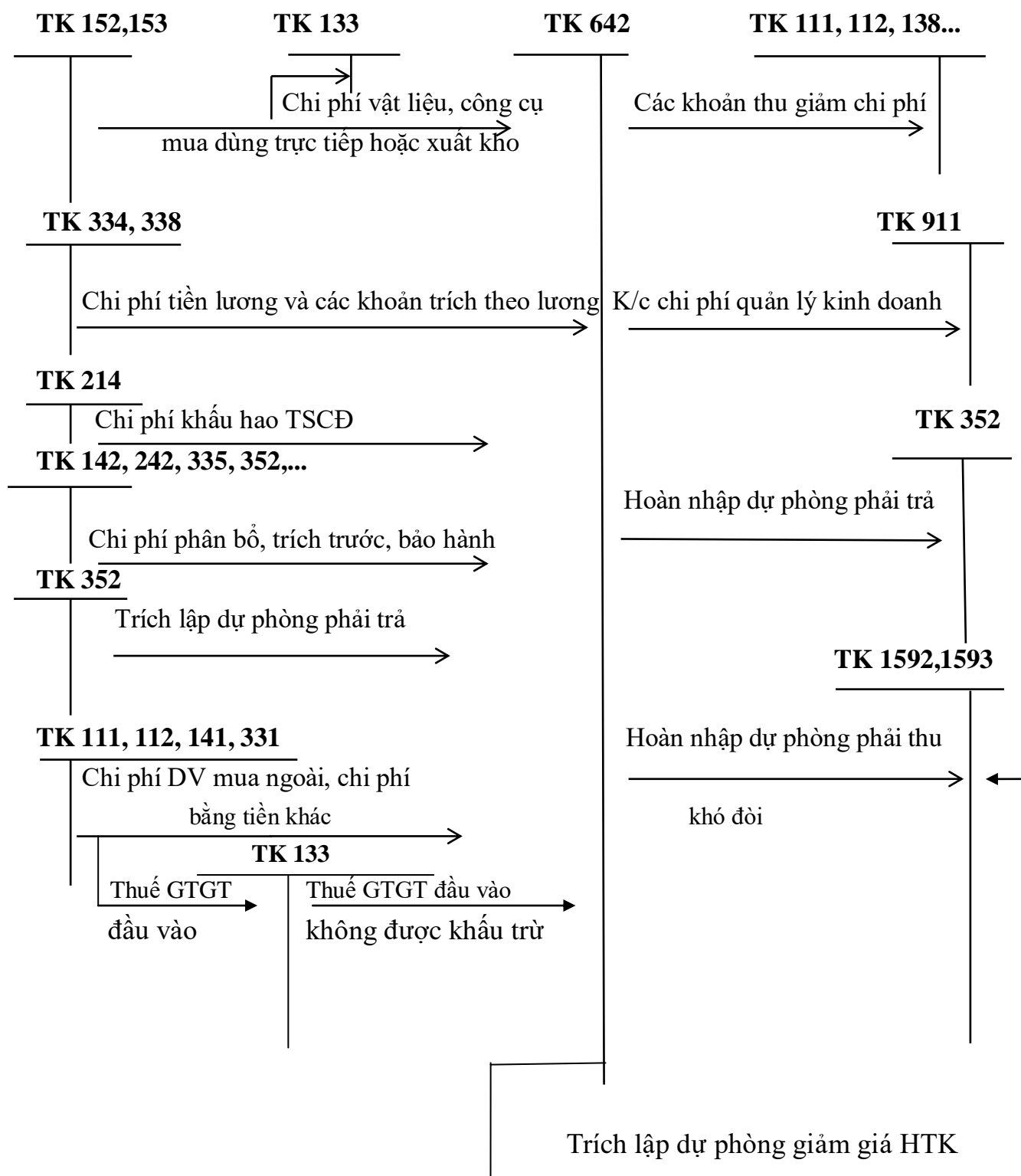
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 711** - Thu nhập khác

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 811** - Chi phí khác

- Kết cấu

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

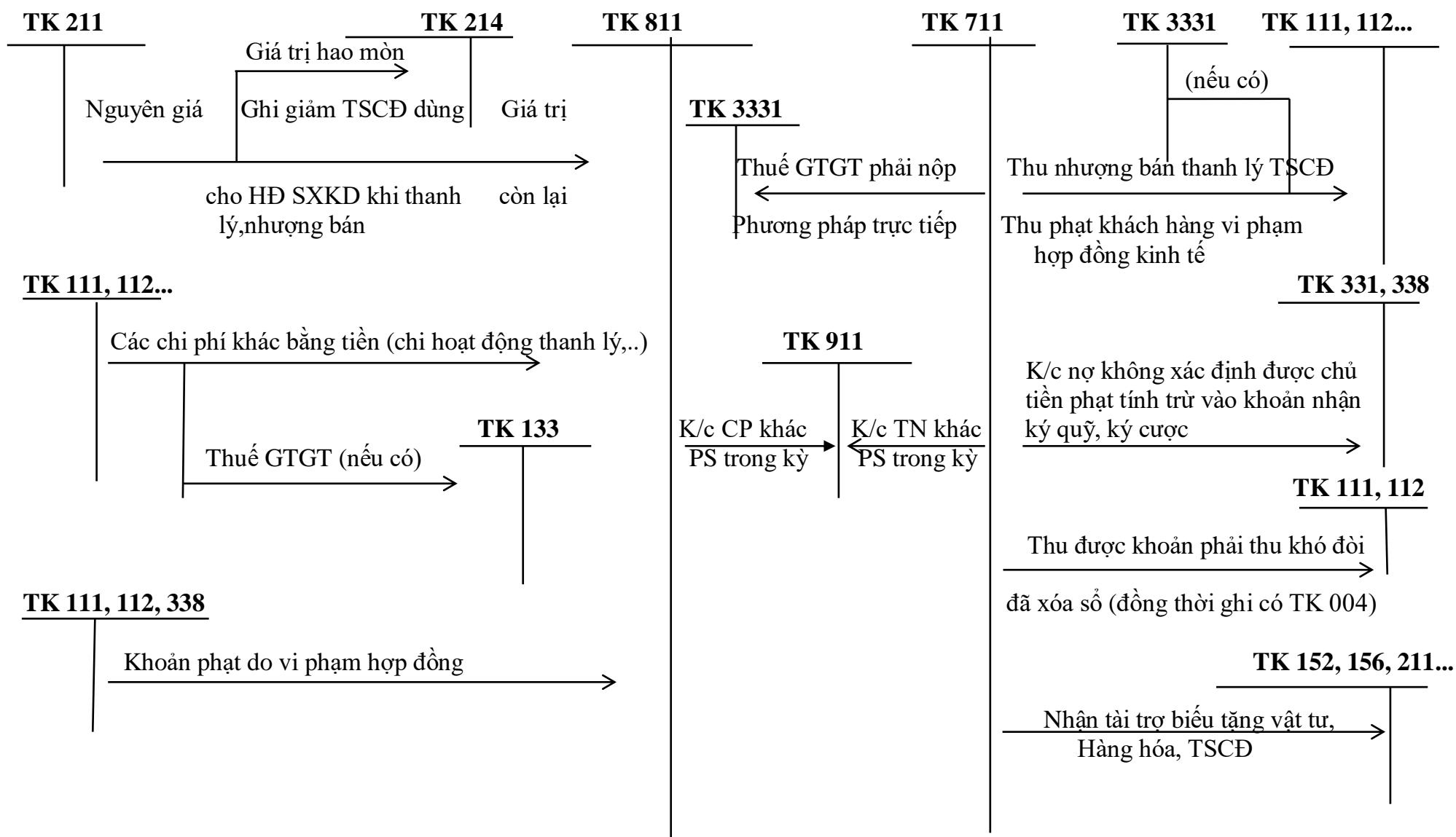
Bên có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ *Tài khoản 911* - Xác định kết quả kinh doanh

- Kết cấu

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

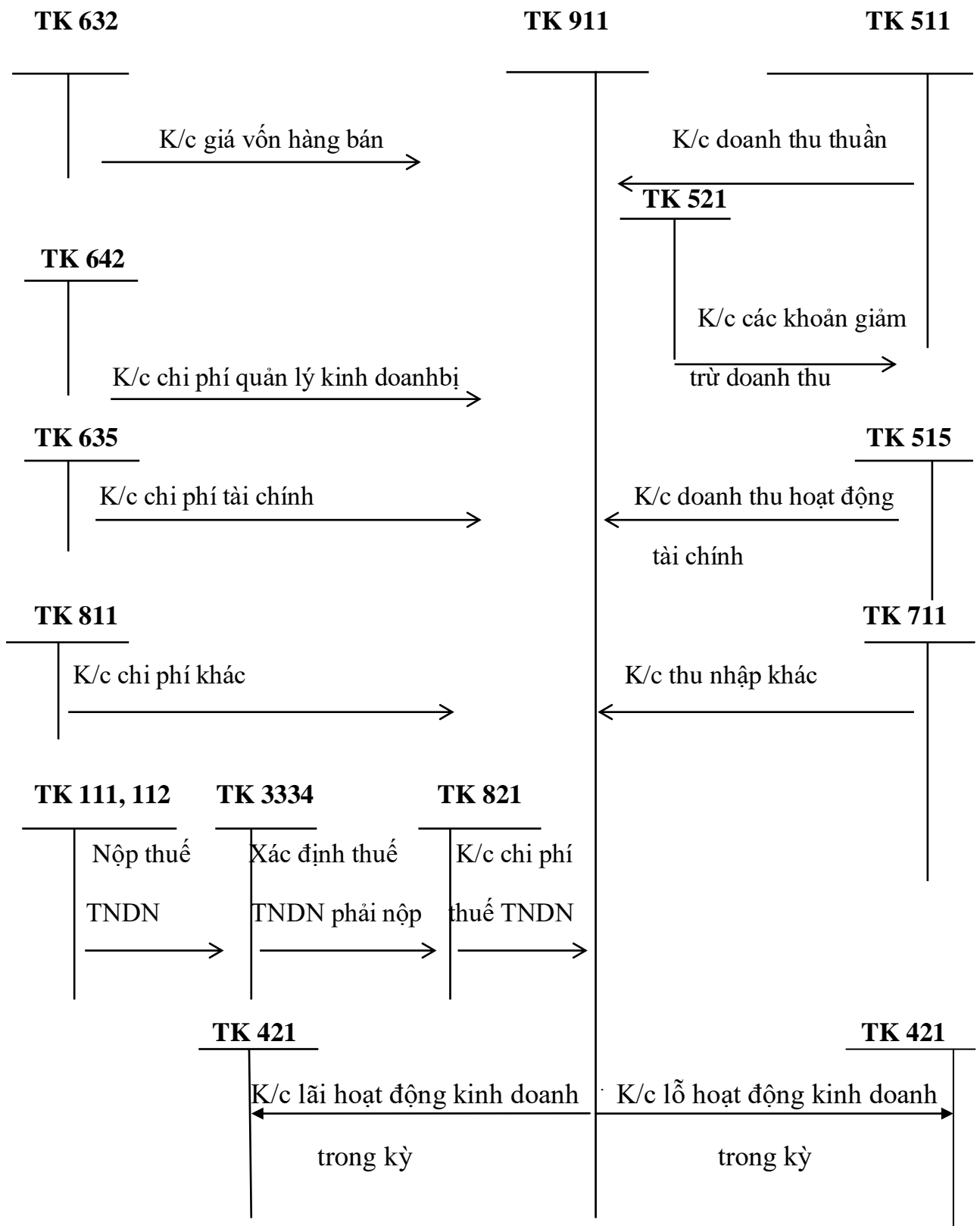
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

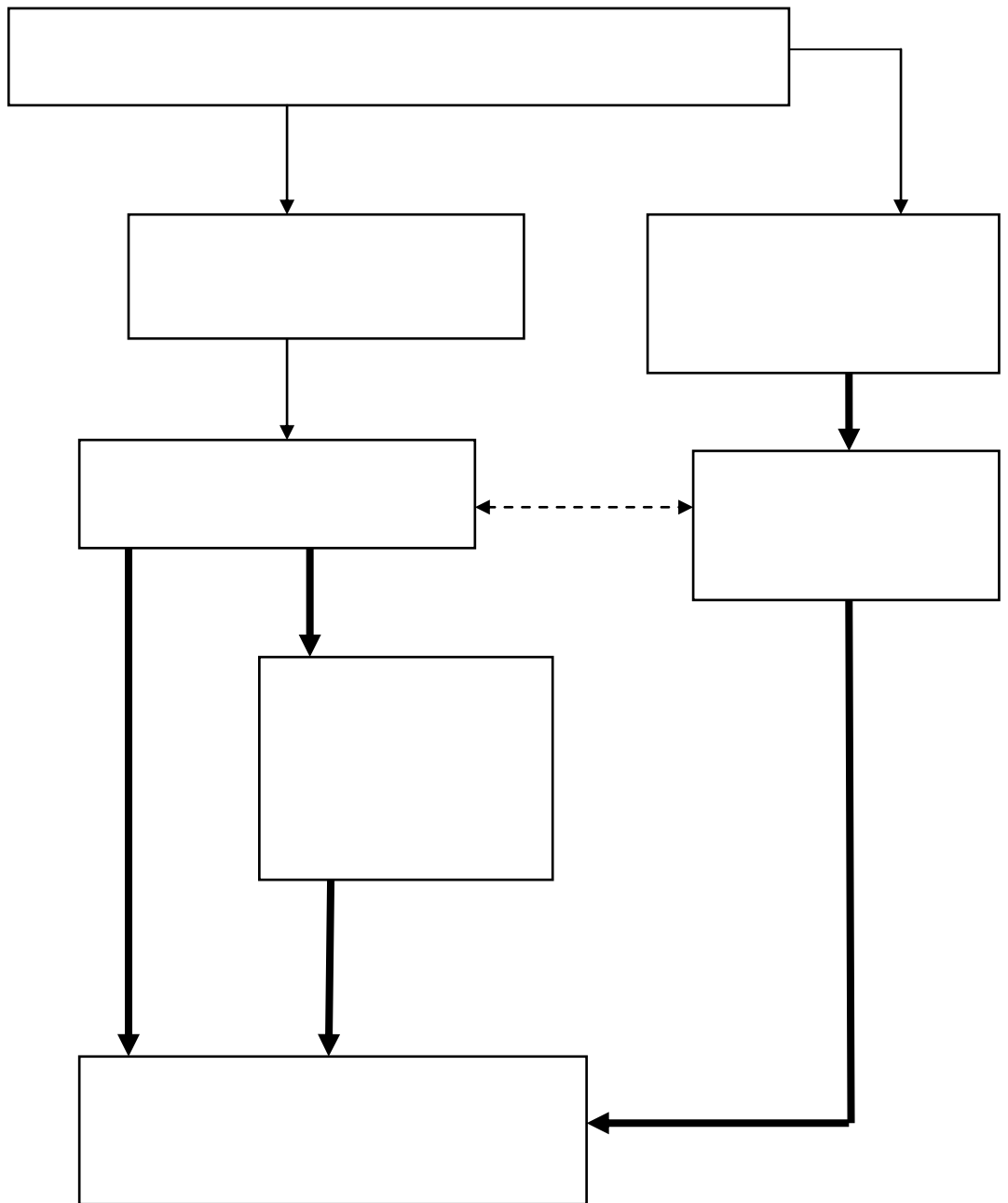
Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Đối chiếu, kiểm tra:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

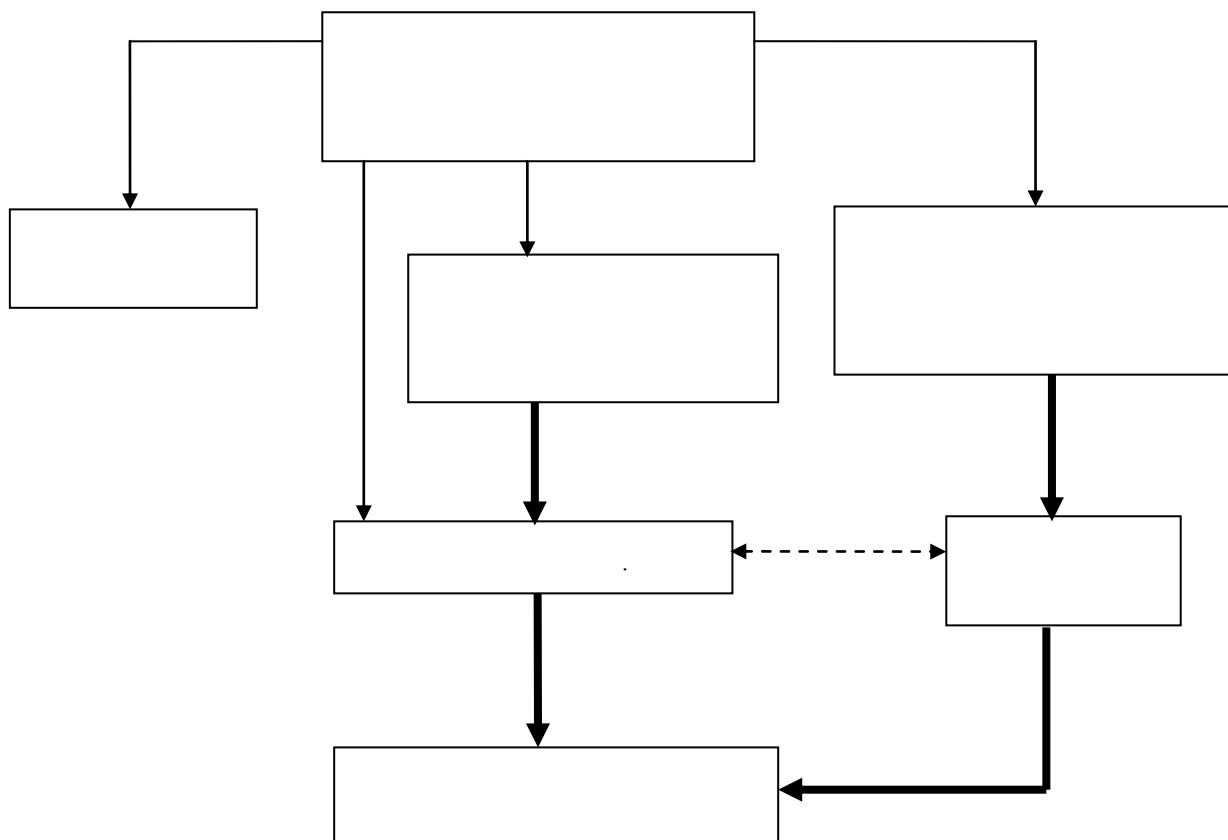
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (Hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

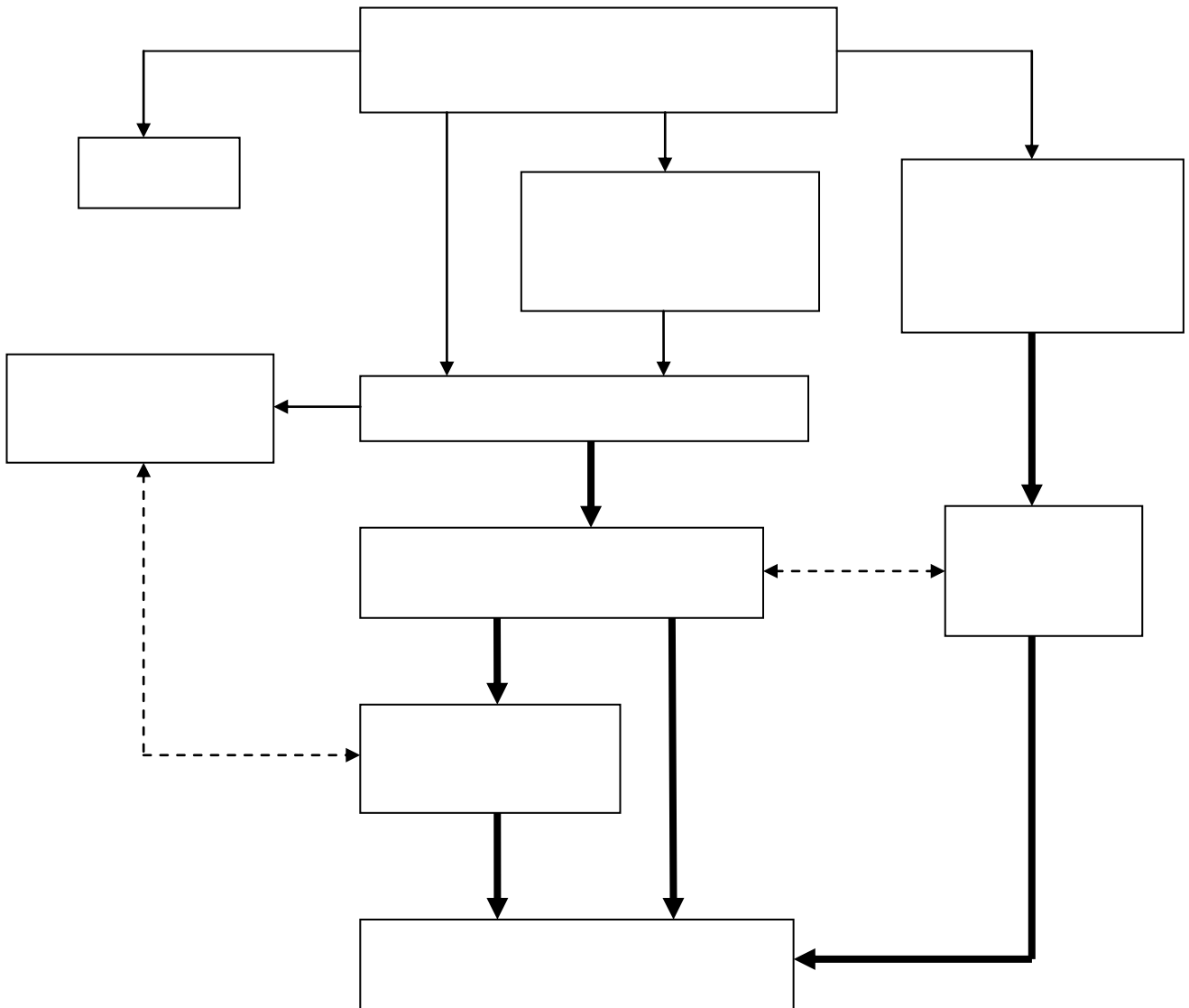
(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký- Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh nợ} & & \text{Tổng số phát sinh có} \\ \text{“phát sinh” ở phần} & = & \text{của tất cả các Tài} & = & \text{của tất cả các Tài} \\ \text{Nhật ký} & & \text{Khoản} & & \text{khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

Đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

Hình thức hệ toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

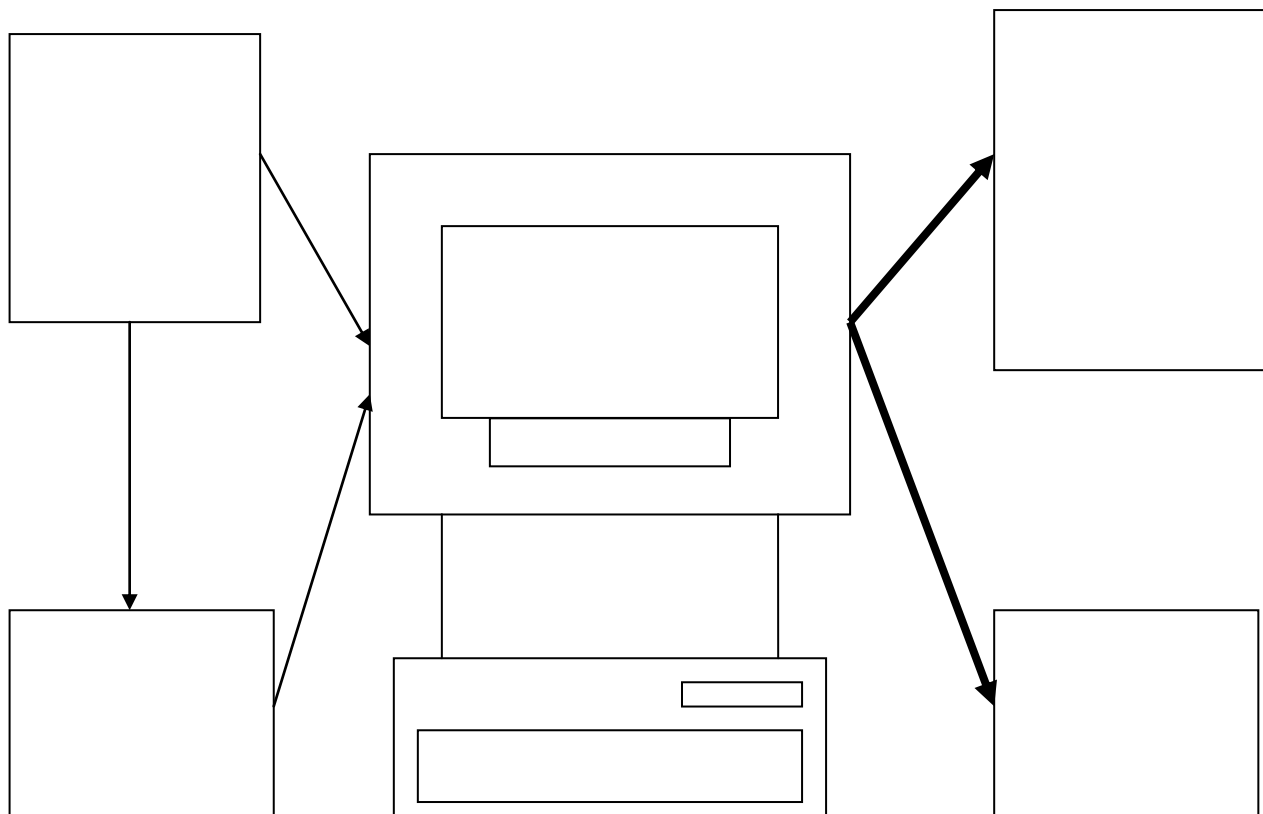
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính**Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

- Tên công ty: Công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 120.000
- Địa chỉ: Số 39/140 Đình Đông, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng.
- Điện thoại/ Fax: 0313.686979
- Mã số thuế: 0201314976.
- Tên giao dịch: PHUC SON COMPANY.
- Giám đốc: Nguyễn Thị Lan.
- Giấy phép kinh doanh được cấp ngày 04/10/2013.
- Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 05/10/2013.
- Danh sách cổ đông sáng lập:
 1. Nguyễn Thị Lan.
 2. Nguyễn Phú Sơn.
 3. Nguyễn Thị Thu.
 4. Đỗ Thanh Phúc

Công ty Cổ phần Thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn tuy mới thành lập và đi vào hoạt động được hơn 4 năm nhưng đây là một đơn vị có uy

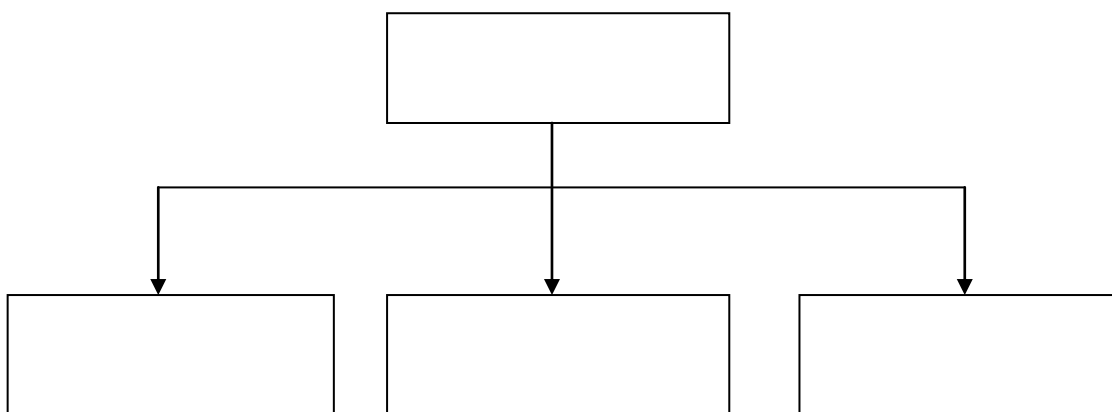
tín, đã và đang khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực dịch vụ vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng và nhiều tỉnh, thành phố khác.

Công ty Cổ phần Thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn thành lập ngày 04/10/2013 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201314976- Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng. Quy mô ban đầu của công ty nhỏ, chưa đầy chục cán bộ công nhân viên, với số vốn ít ỏi, bất chấp khó khăn, Lãnh đạo công ty vẫn quyết tâm thực hiện vì mục tiêu khẳng định uy tín và thương hiệu của mình.

Ngày nay, vượt qua những trở ngại của những ngày tháng khởi nghiệp, công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, đang ngày càng phát triển, mở rộng quy mô hoạt động. Đầu tư nhiều tài sản phục vụ quá trình dịch vụ vận tải, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty.

Trên đây là mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty, đứng đầu là giám đốc, sau đó đến các phòng ban chức năng. Mỗi phòng ban khác nhau lại đảm nhận những chức năng, nhiệm vụ khác nhau.

+ Giám đốc: là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu mọi trách nhiệm của công ty, kiểm soát mọi hoạt động của công ty.

+ Phòng kinh doanh: đưa ra phương án và kế hoạch kinh doanh để khai thác hàng hóa.

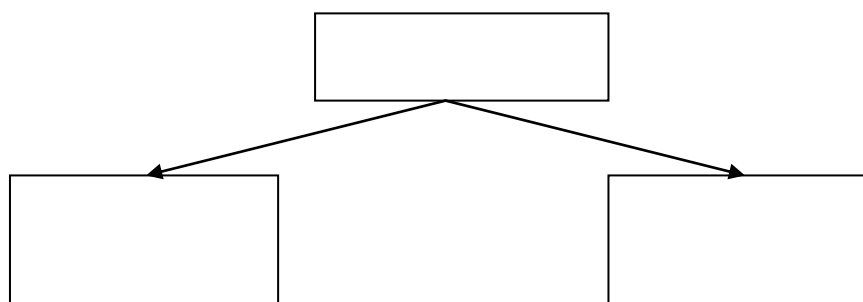
+ Phòng vận tải: điều hành thực hiện dịch vụ vận tải (xe, các lái xe..)

+ Phòng kế toán: quản lý tài chính và thực hiện các hoạt động thanh toán, hạch toán tài chính công ty: ghi chép, tổng hợp, báo cáo các thông tin kinh tế...

2.1.3.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn

Việc xây dựng bộ máy kế toán phù hợp phải dựa trên cơ cấu quản lý của công ty. Là một đơn vị kinh doanh với quy mô vừa và nhỏ, với hơn chục cán bộ nhân viên. Bởi vậy phòng kế toán công ty chỉ gồm 1 kế toán và 1 thủ quỹ.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán

- *Kế toán*: Có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Ghi chép, tính toán phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch thu, chi tài chính, kiểm tra giám

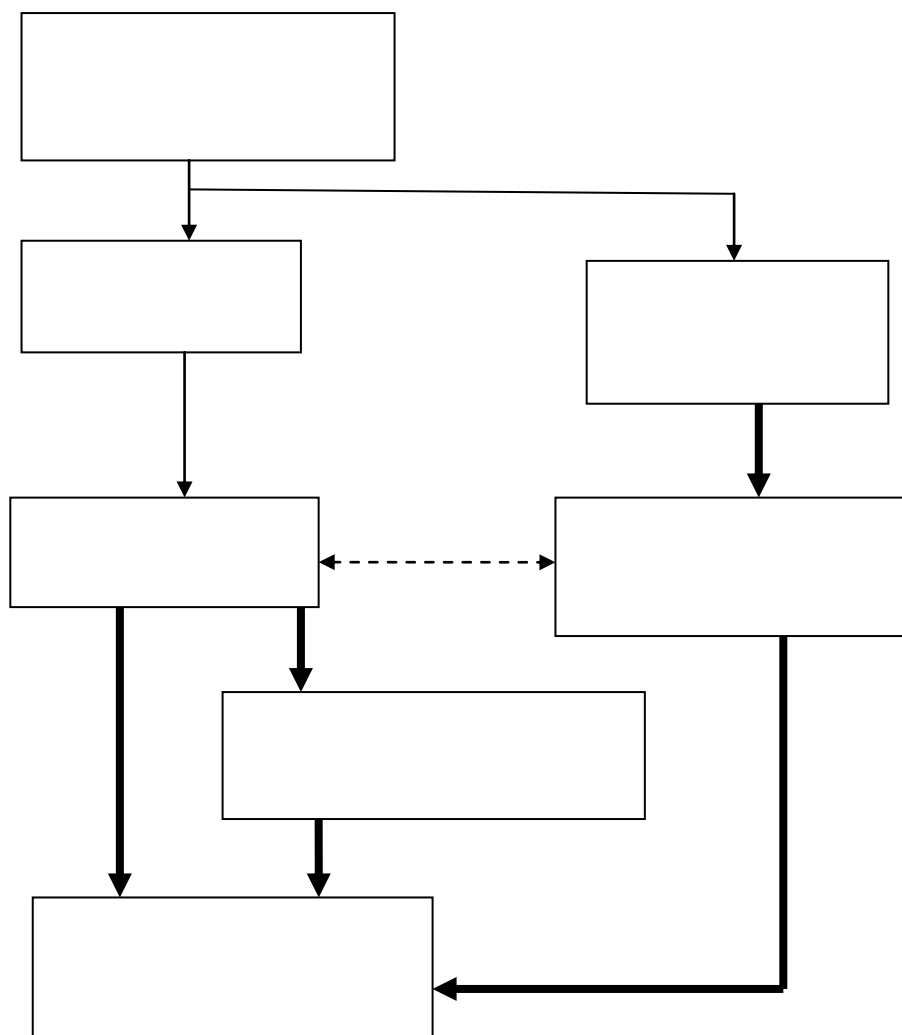
sát các khoản thu, chi phí tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản...

- *Thủ quỹ*: chịu trách nhiệm quản lý các nguồn vốn bằng tiền của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ phân thu chi, sau đó tổng hợp đối chiếu phân thu chi với kế toán.

2.1.3.2. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng .

- Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành
- Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ

Sổ kế toán và trình tự ghi sổ kế toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ nhật ký chung và sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản. Đồng thời, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết (nếu có).

- Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Luôn đối chiếu giữa các số liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải phúc sơn là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, do đó doanh thu chủ yếu của công ty từ việc cung cấp các hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa bằng container.

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- + Hợp đồng kinh tế.
- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu thu.
- + Phiếu báo có.
- + Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- + TK 111: Tiền mặt.
- + TK 112: TGNH.
- + TK 131: Phải thu khách hàng.
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- + TK 5154: Doanh thu từ lãi tiền gửi.
- + TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.
- + Các tài khoản khác có liên quan.

2.2.1.4. Trình tự hạch toán kế toán doanh thu:

Khi nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng kế toán lập hợp đồng cung cấp dịch vụ. Sau khi hợp đồng được ký thì công ty tiến hành cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng khi hoạt động cung cấp dịch vụ hoàn thành, kế toán sẽ lập bảng kê chi tiết cước vận tải đồng thời lập hóa đơn GTGT về cung cấp dịch vụ.

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím, lưu tại công gốc để tại phòng kế toán.

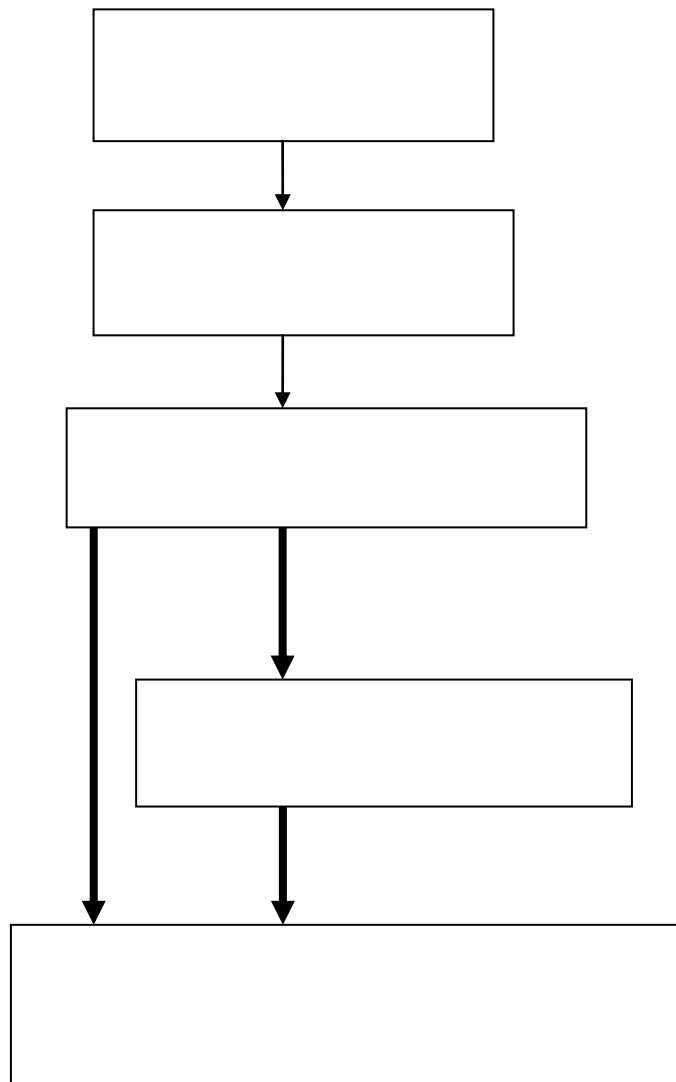
+ Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

+ Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

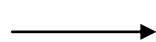
- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

+ Liên 2: Giao cho khách hàng



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu của công ty

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan. Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản.

- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái TK 511,131,3331... lập bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.5 Ví dụ minh họa

VD: Từ bảng kê cước vận chuyển tháng 8 số 03-08/PS-SR kế toán lập hóa đơn 0000244 ngày 31/08/2016 công ty vận chuyển cho công ty TNHH dụng cụ thể thao SunRise gồm 4 chuyến hàng xuất đến Hoàng Hóa, Thanh Hóa với giá 27.200.000 (chưa bao gồm VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 29.920.000

Có TK 511: 27.200.000

Có TK 3331: 2.720.000

Biểu 2.1a: Bảng kê cước vận chuyển

BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN HÀNG XUẤT THÁNG 08/2016

Số 03-08/PS-SR ngày 31/08/2016

(Kèm Hóa đơn số ...0000244..... ngày 31/08/2016)

STT	TỜ KHAI HQ SỐ / NGÀY	TUYẾN ĐƯỜNG: HẢI PHÒNG - THANH HÓA			Ghi chú
		NGÀY, THÁNG	SỐ LƯỢNG	CƯỚC V/C chưa VAT	
1	300938690530 ngày 04/08/2016 300939146340 ngày 04/08/2016 300939157320 ngày 04/08/2016	04/08/2016	1x40	6.800.000	
2	300950320660 ngày 13/08/2016 300950335030 ngày 13/08/2016	13/08/2016	1x40	6.800.000	
3	300950294210 ngày 13/08/2016	13/08/2016	1x40	6.800.000	
4	300968984210 ngày 27/08/2016	27/08/2016	1x40	6.800.000	
Cộng				27.200.000	
Thuế VAT 10%				2.720.000	
Tổng cộng				29.920.000	

Số tiền bằng chữ: Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn

CTY CP TM & GNVT PHÚC SƠN

CTY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO SUNRISE

Biểu 2.1b: Hóa đơn GTGT số 0000244

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào chi tiết TK131

Biểu 2.2: Nhật ký chung

Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Giao Nhận Vận
Tải Phúc Sơn, Số 39/140 Đình Đông, Phường Đông
Hải, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03 - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
18/01	HĐ0000719	18/01	Cước vận chuyển tháng 1 cho công ty Sao Mai	131		230.318.000	
					511		209.380.000
					3331		20.938.000
31/01	HĐ0000836	31/01	Phí dịch vụ vận chuyển tháng 1 cho công ty SunRise	131		311.020.000	
					511		282.745.455
					3331		28.274.545
...
31/08	HĐ 0000244	31/08	Cước vận chuyển cho công ty SunRise	131		29.920.000	
					511		27.200.000
					3331		2.720.000
...
04/12	PT0195	04/12	Cước vận chuyển cho công ty Sao Mai	112		205.645.000	
					511		186.950.000
					3331		18.695.000
...
			Cộng chuyển sang trang				
			Cộng phát sinh			81.573.371.428	81.573.371.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

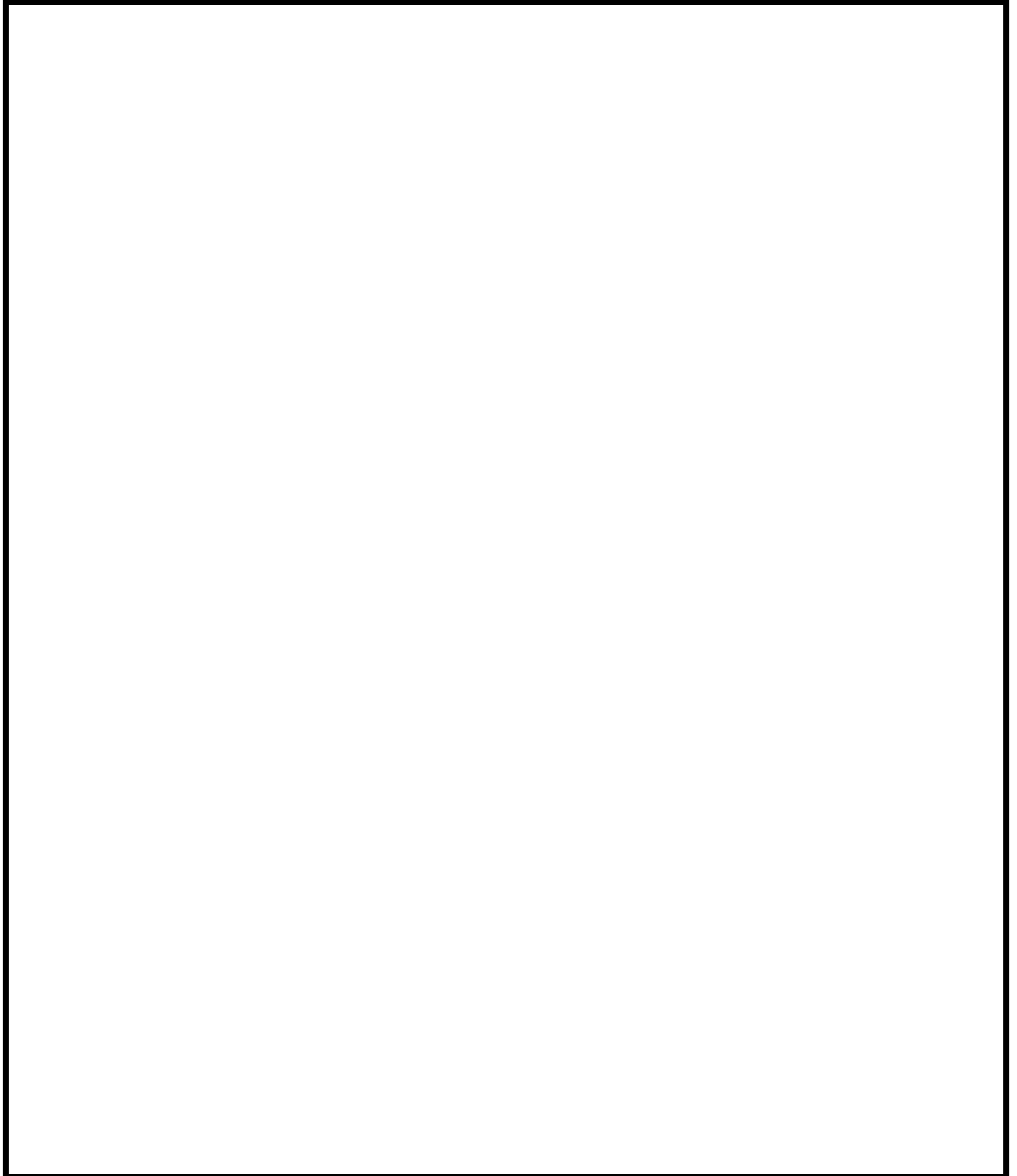
Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511, sổ cái TK131

Biểu 2.3: Sổ cái TK 511



2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng**2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán**

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kì bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ. Do đó tại công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải như xăng, tiền lương lái xe, khấu hao xe,... đều được tập hợp và hạch toán vào TK 154, cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

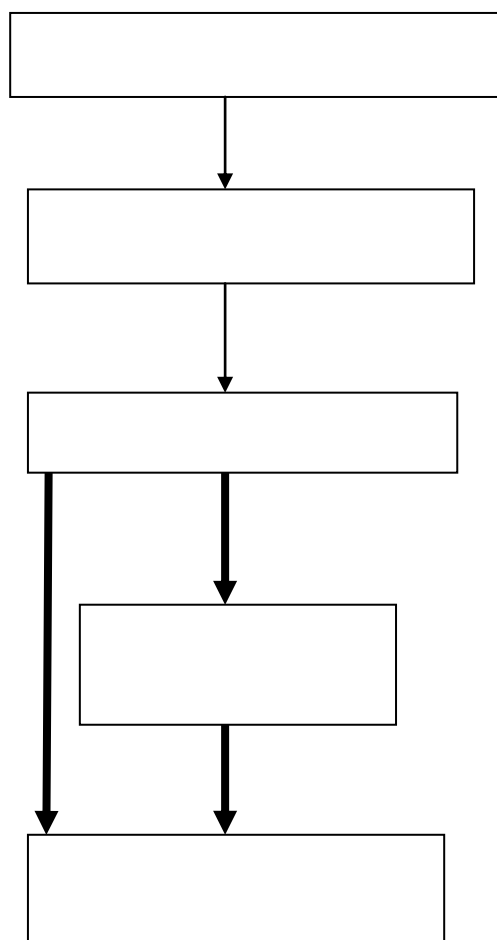
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Bảng kê các chi phí
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- TK 154: chi phí SX
- TK 156: hàng hóa
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 111, 112...

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

-Hàng ngày,căn cứ vào Hóa đơn GTGT,phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 156,632...

-Cuối tháng,kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái các TK 632,156...lập bảng cân đối số phát sinh.

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 23/04/2016 công ty mua dầu Diezel của công ty xăng dầu khu vực 3-TNHH 1 thành viên theo HĐ 0000522 .

Nợ TK 154: 17.618.181

Nợ TK 133: 1.761.819

Có TK 111: 19.380.000

Biểu 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: AA/14P		
Ngày 23 tháng 04 năm 2016			Số: 0000522		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC 3- TNHH 1 THÀNH VIÊN					
Mã số thuế: 0200120833					
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, tp Hải Phòng					
Số tài khoản: (Account code) : 1005279107					
Tại: Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex CN Hải Phòng					
Điện thoại (tel): 0313850632					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN					
Mã số thuế: 0201314976					
Địa chỉ: Số 39/140 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, t.p Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền Mặt.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	mua dầu Diezel của công ty xăng dầu khu vực 3	lít	1.381	12.750	17.618.181
Cộng tiền hàng:					17.618.181
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT:
Tổng cộng tiền thanh toán					1.761.819
					19.380.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 2.5: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và giao nhận vận
tải Phúc Sơn

Mẫu số S03- DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI

Số: 263

Nợ TK 154: 17.618.181

Nợ TK 133: 1.761.819

Có TK111: 19.380.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hồng Hà

Địa chỉ: công ty xăng dầu khu vực 3

Lý do chi: trả tiền hóa đơn 0000522

Số tiền: 19.380.000

(Viết bằng chữ): Mười chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

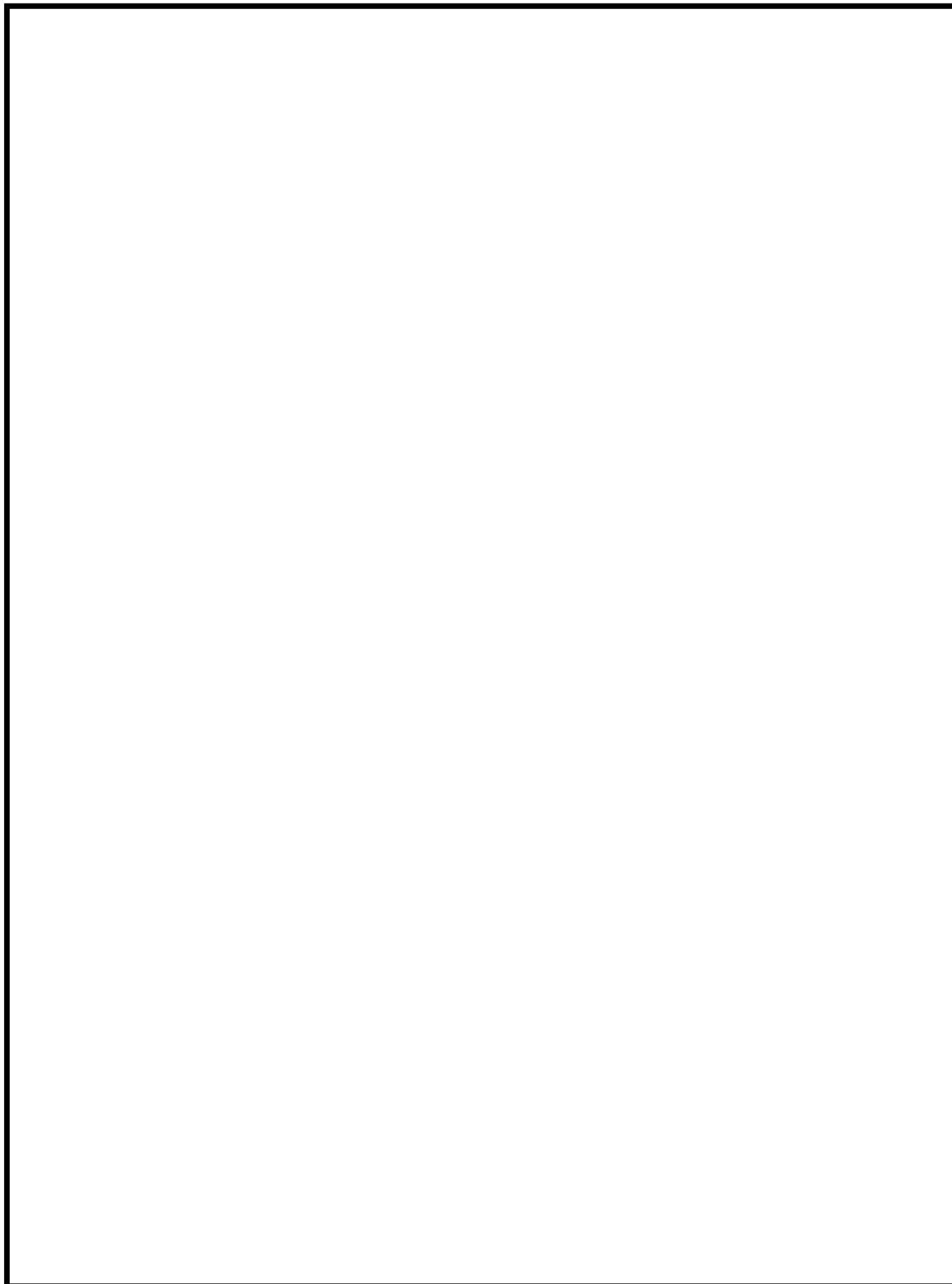
Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 23 tháng 04 năm 2016

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
------------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Mười chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

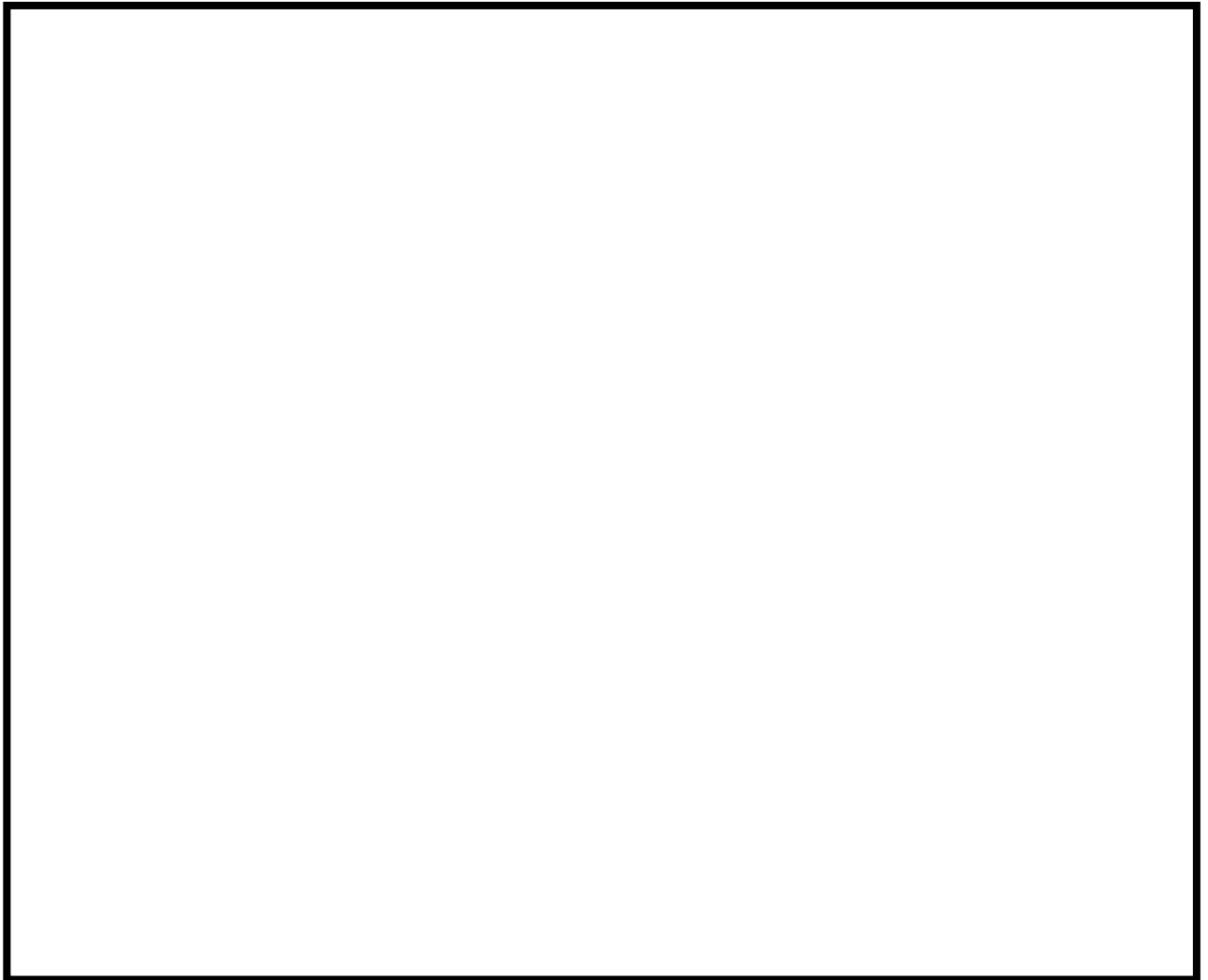
Biểu 2.6: Nhật ký chung



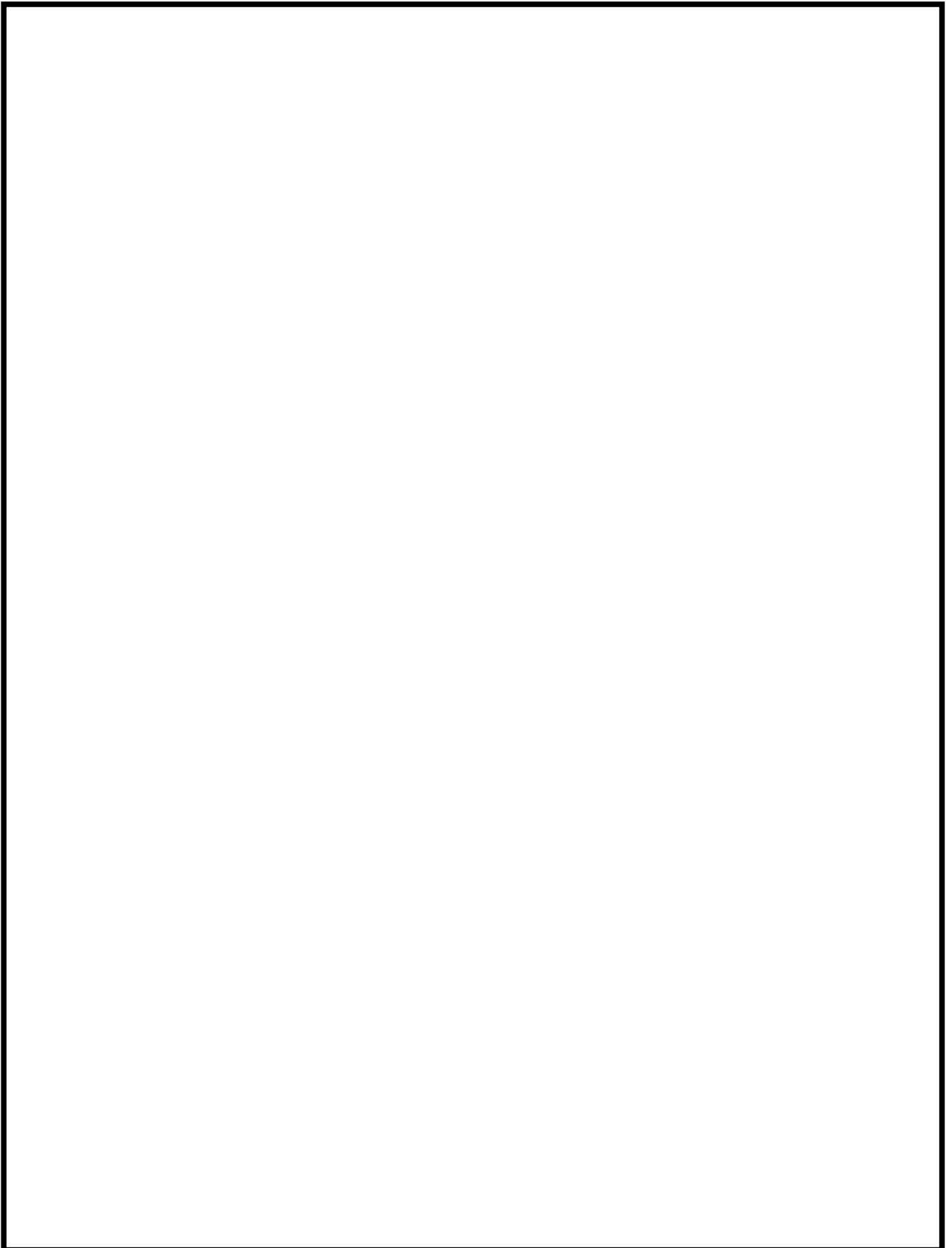
Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 154

Biểu 2.7: Sổ cái TK 154

Trong kỳ khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động vận tải hàng hóa thì kế toán lập bảng kê các chi phí phát sinh theo mỗi hợp đồng vận tải như xăng, phí cầu đường,..và các chi phí phát sinh khác như bảo hiểm xe, khấu hao xe,.. sau đó ghi vào Nhật Ký chung và sổ cái TK 154. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 154 kế toán lập phiếu kế toán 113 và thực hiện bút toán kết chuyển ghi:

Biểu 2.8: Phiếu kế toán

Biểu 2.9: Sổ cái TK 632



2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty cổ phần thương mại và vận tải Phúc Sơn chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

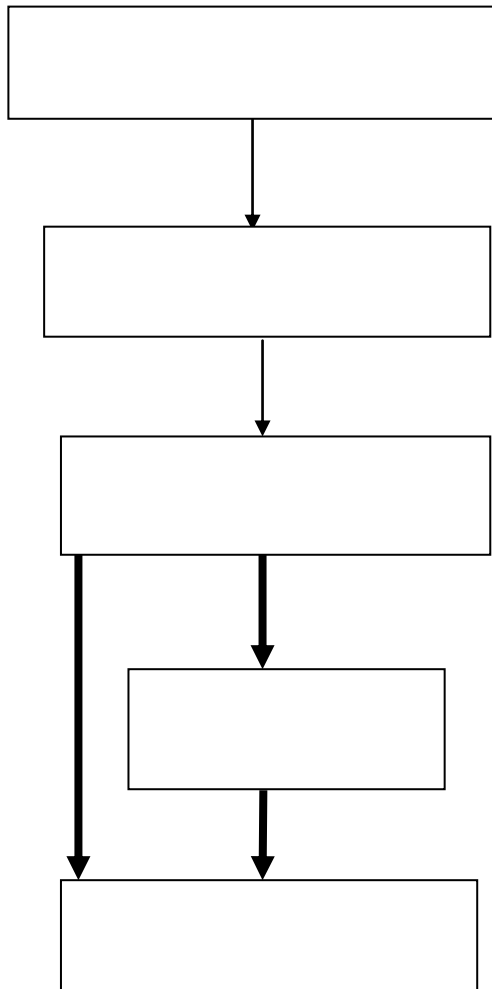
- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh;
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

Và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

-Hàng ngày,căn cứ vào các chứng từ như giấy báo nợ,giấy báo có của ngân hàng ,phiếu chi,phiếu thu,chi phí lãi vay...kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung.Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 515,TK 635.

-Cuối kỳ,cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh .Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.


2.2.3.5 Ví dụ minh họa

VD1: Ngày 31/03 Ngân hàng SHB thông báo lãi nhập vốn là 14.741 VNĐ

Nợ TK 112: 14.741

Có TK 515: 14.741

Biểu 2.10: Giấy báo có của ngân hàng SHB

Ngân hàng SHB	
	
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày 31/03/2016	
GDV:THANHTT1	
Mã KH:44048	
Số GD:LPSF04101600917	
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG	
-Tên tài khoản: Công ty CPTM và giao nhận vận tải Phúc Sơn	
-Số tài khoản:1005279107	
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN	
-Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH TM&DV XNK HOANG CƯỜNG	
-Số tài khoản: 1000903449	
-Số tiền bằng chữ: Mười bốn nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng	
-Nội dung: Lãi nhập vốn tháng 3	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

VD2: Ngày 29/02/2016 trả lãi vay ngắn hạn ngân hàng SHB số tiền 2.807.784 VNĐ theo khế ước số 2000941140852944

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635 : 2.807.784

Có TK 112 : 2.807.784

Biểu 2.11: Giấy báo nợ của ngân hàng SHB

Ngân hàng SBH



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29/02/2016

Ma GDV: NGUYEN THU HUE

Ma KH : 44025

So GD : 19

Kính gửi : Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn

Mã số thuế : 0201314976

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ : 1005279107

Số tiền bằng số : 2.807.784

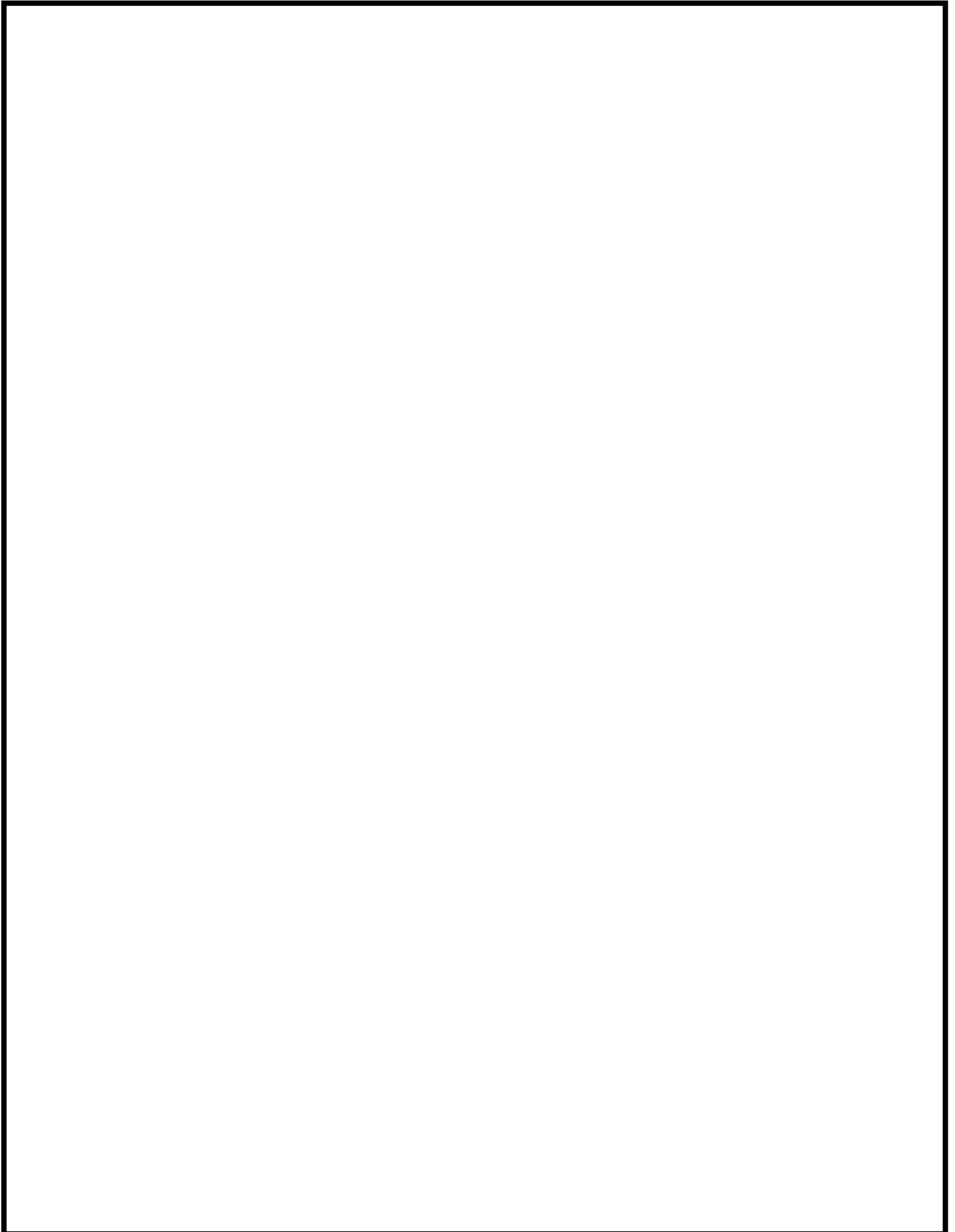
Số tiền bằng chữ : Hai triệu tám trăm linh bảy nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng.

Nội dung : Trả lãi vay ngắn hạn

GIAO DỊCH VIÊN

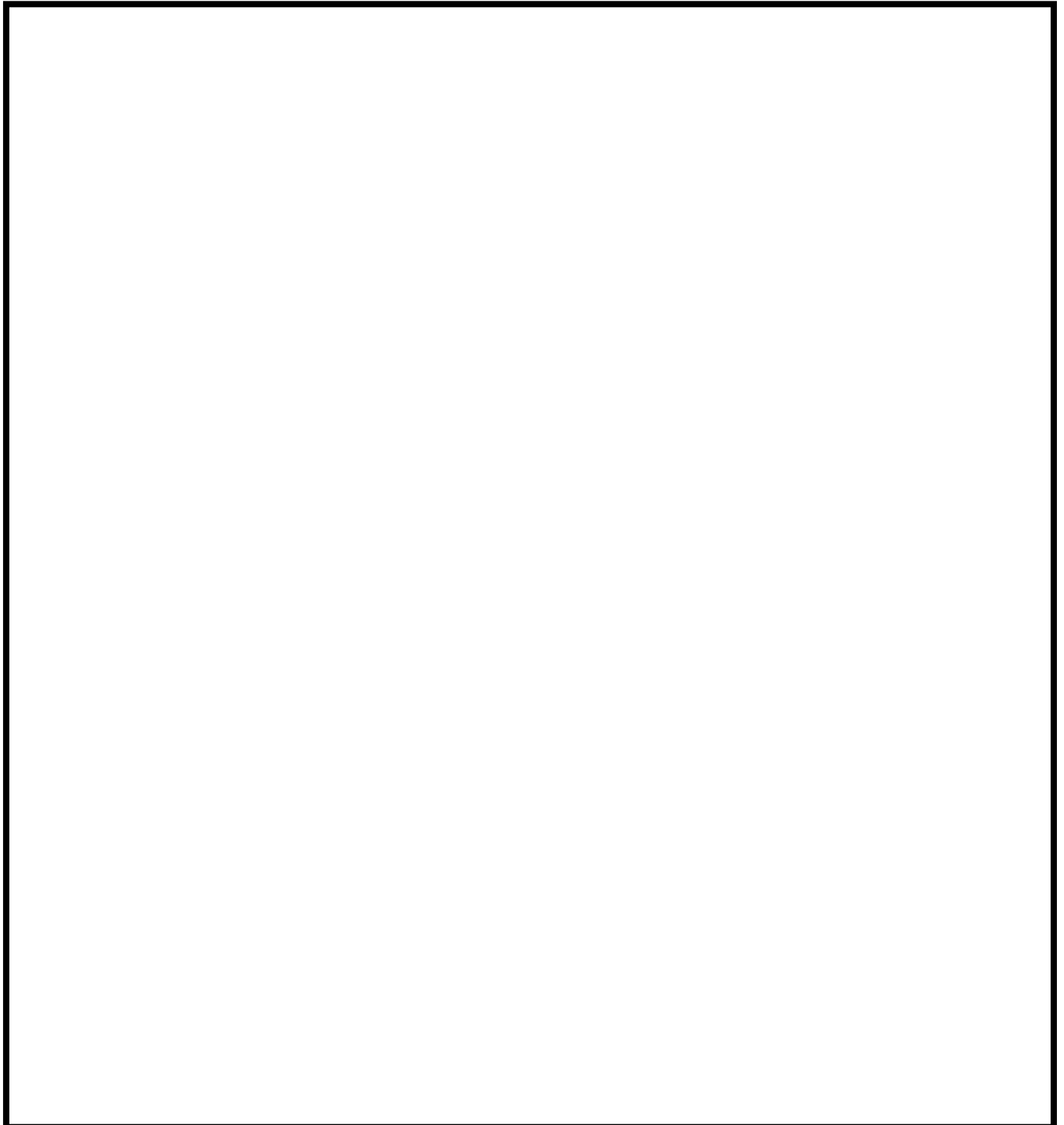
KIỂM SOÁT

Biểu 2.12:Trích Sổ nhật ký chung

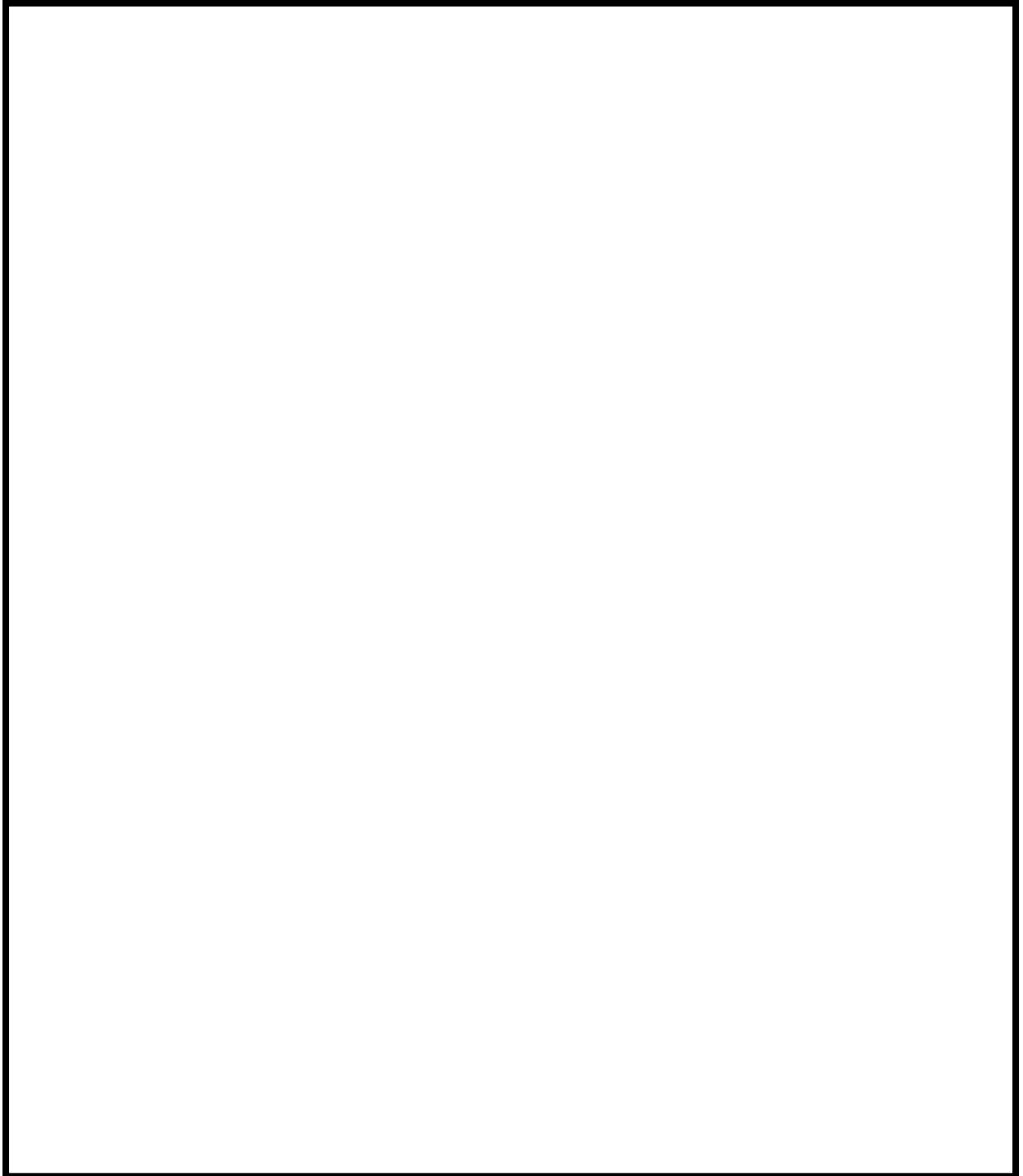


Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK635,TK515

Biểu 2.13: Sổ cái TK 635



Biểu 2.14: Sổ cái TK 515



2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh**

Tại Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí lương nhân viên văn phòng, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí về đồ dùng văn phòng...

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

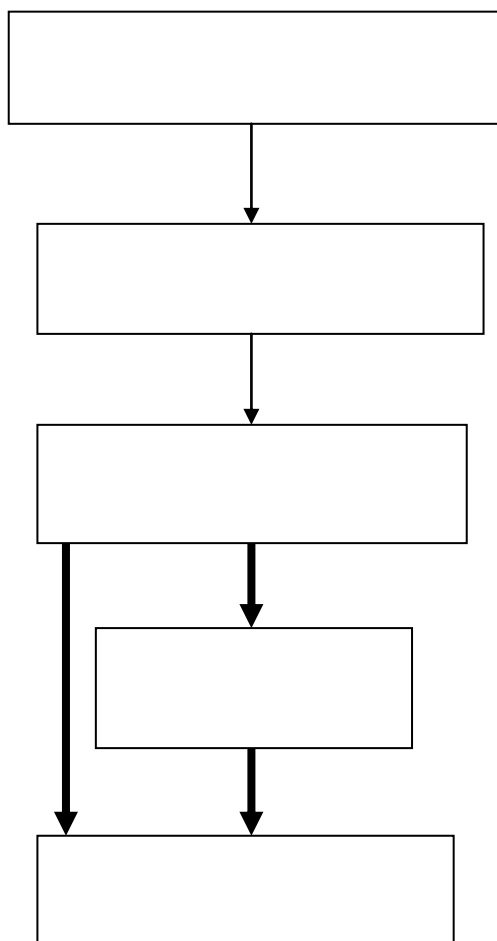
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

-Căn cứ vào Hóa đơn GTGT,bảng phân bổ khấu hao TSCĐ...kế toán tiến hành viết phiếu chi,tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán.Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung để kế toán vào sổ cái TK 642.

-Cuối kỳ,cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối phát sinh.Từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 14/05/2016 thanh toán tiền cước điện thoại bằng tiền mặt cho công ty Mobiphone tổng số tiền thanh toán 1.454.763(Thuế GTGT 10%).

Nợ TK 642:	1.322.512
Nợ TK 133:	132.251
Có TK 111:	1.454.763

Biểu 2.15: Hóa đơn GTGT



HÓA ĐƠN (GTGT)
Liên 2: Giao khách hàng

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIPHONE
Công ty dịch vụ MOBIPHONE KHU VỰC 5

Mã số: 01GTKT2/005
Seri: GB/16P
Số : 0790736

Mã số thuế: 0100686209084

Địa chỉ (Address): Số 08 lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn

Địa chỉ (Address): Số 39/140 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, t.p Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 0313.686979

Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): Tiền mặt

MST:

STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6
1	Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)				1.322.512
Cộng tiền (1) (Total)					1.322.512
Thuế suất: 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (2) (Value Added Tax)					132.251
Tổng cộng tiền thanh toán (3) = (1) + (2) (Group total)					1.454.763
Số tiền viết bằng chữ (Sum in words): Một triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng.					

Ngày 14 tháng 05 năm 2016

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Phiếu chi 121

Công ty CP Thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn, số
39/140 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 05 năm 2016

Số: 114

Nợ TK 642: 1.322.512

Nợ TK 133: 132.251

Có TK 111: 1.454.763

Họ và tên người nhận: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Phòng KT-TC

Lý do chi: Nộp tiền điện thoại

Số tiền: 1.454.763 VND

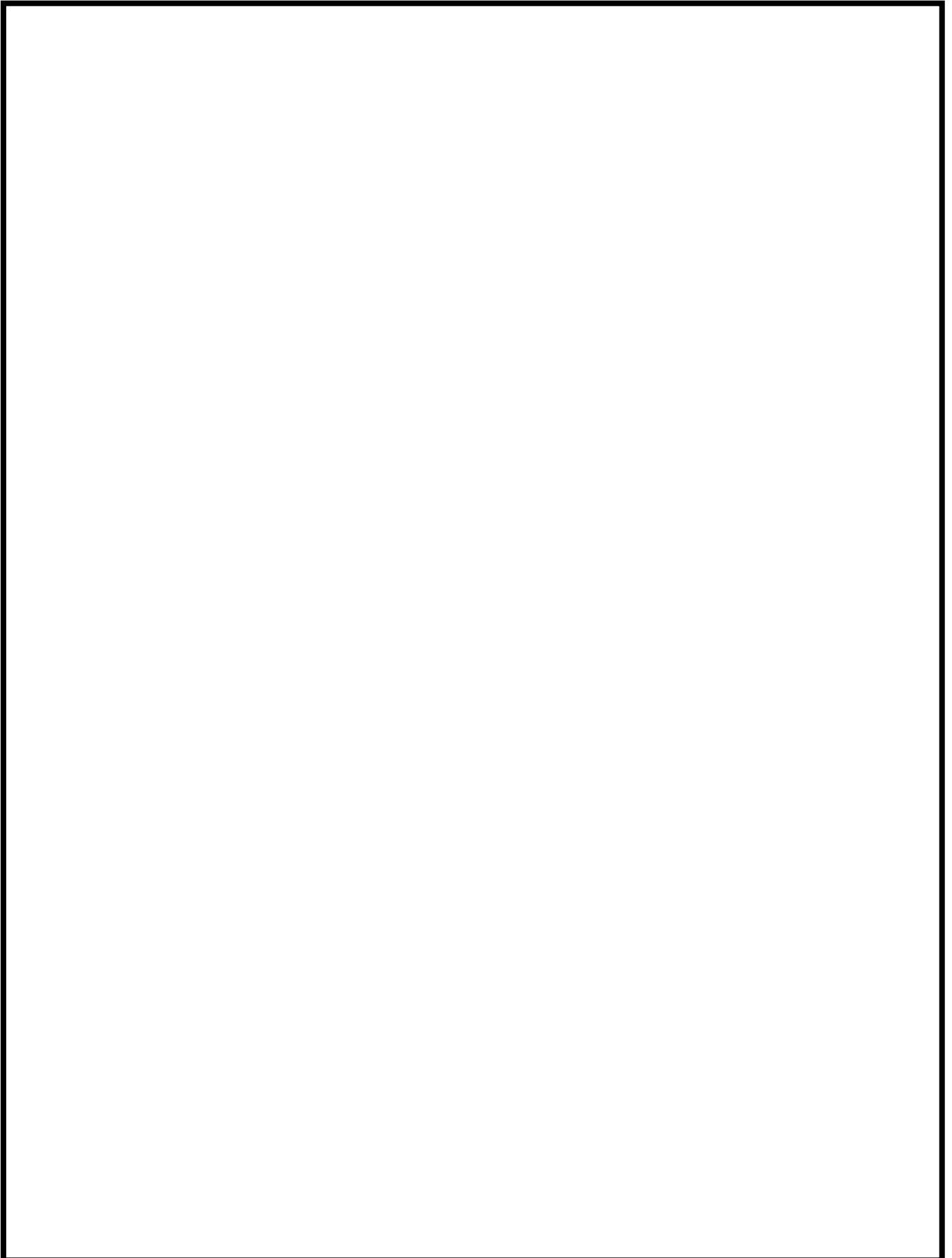
Bằng chữ: Một triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng.

Kèm theo: chứng từ kế toán

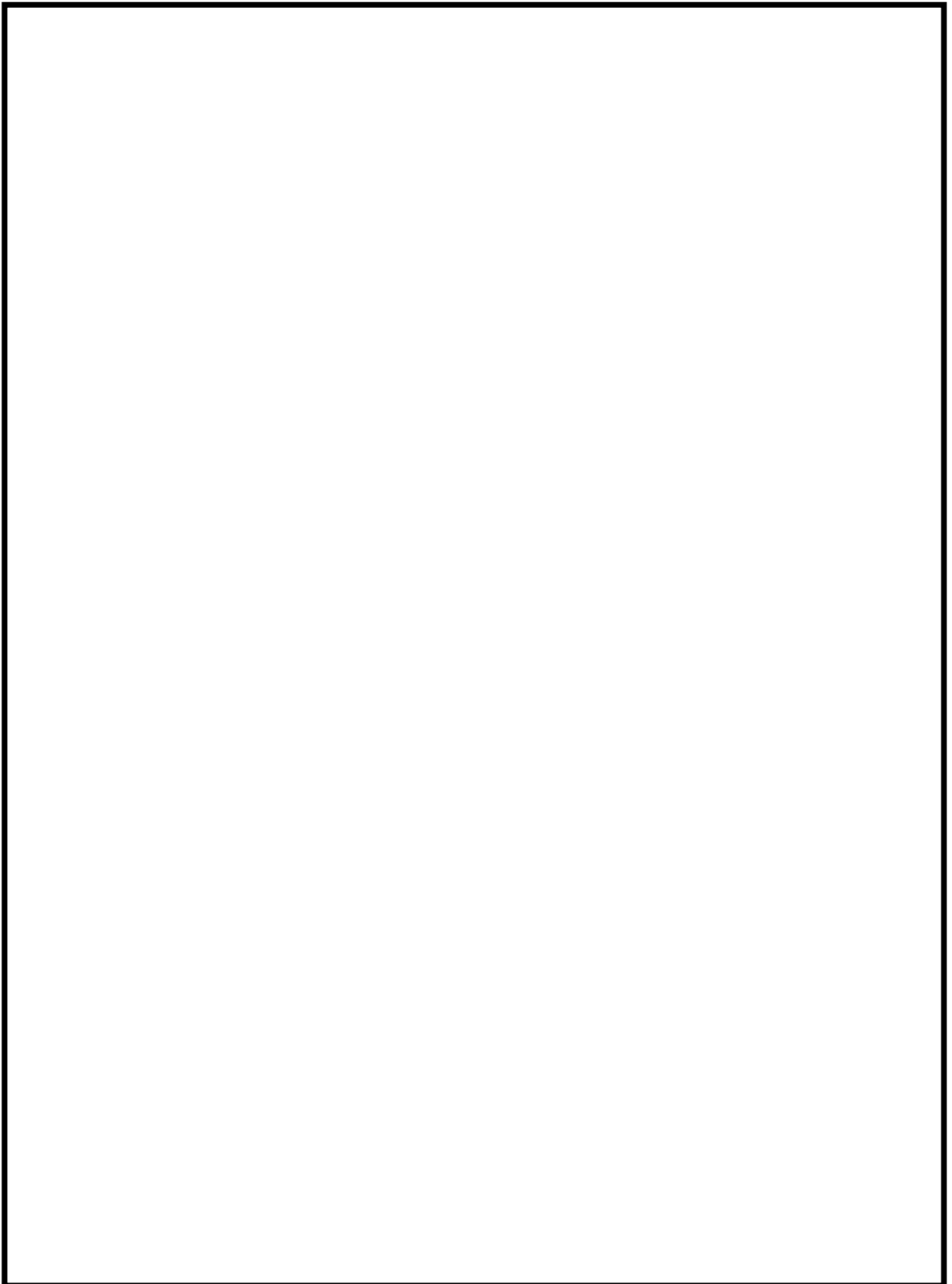
Ngày 14 tháng 05 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký)	(Ký)	(Ký)	(Ký)

Biểu 2.17:Trích Sổ nhật ký chung



Biểu 2.18: Sổ cái TK 642



2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty CP Thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn trong năm 2016 không phát sinh khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

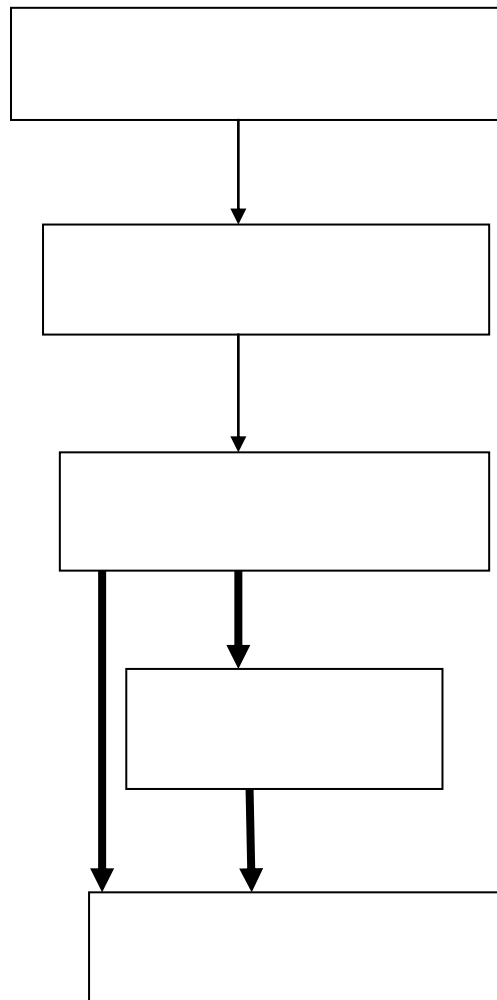
- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng.

-TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

-Các TK khác có liên quan

2.2.6.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Cuối kỳ,tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan,kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào phiếu kế toán kết chuyển doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh,chi phí thuế TNDN,kế toán vào Sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái TK911,421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.5 Ví dụ minh họa

VD: Xác định kết quả kinh doanh năm 2016

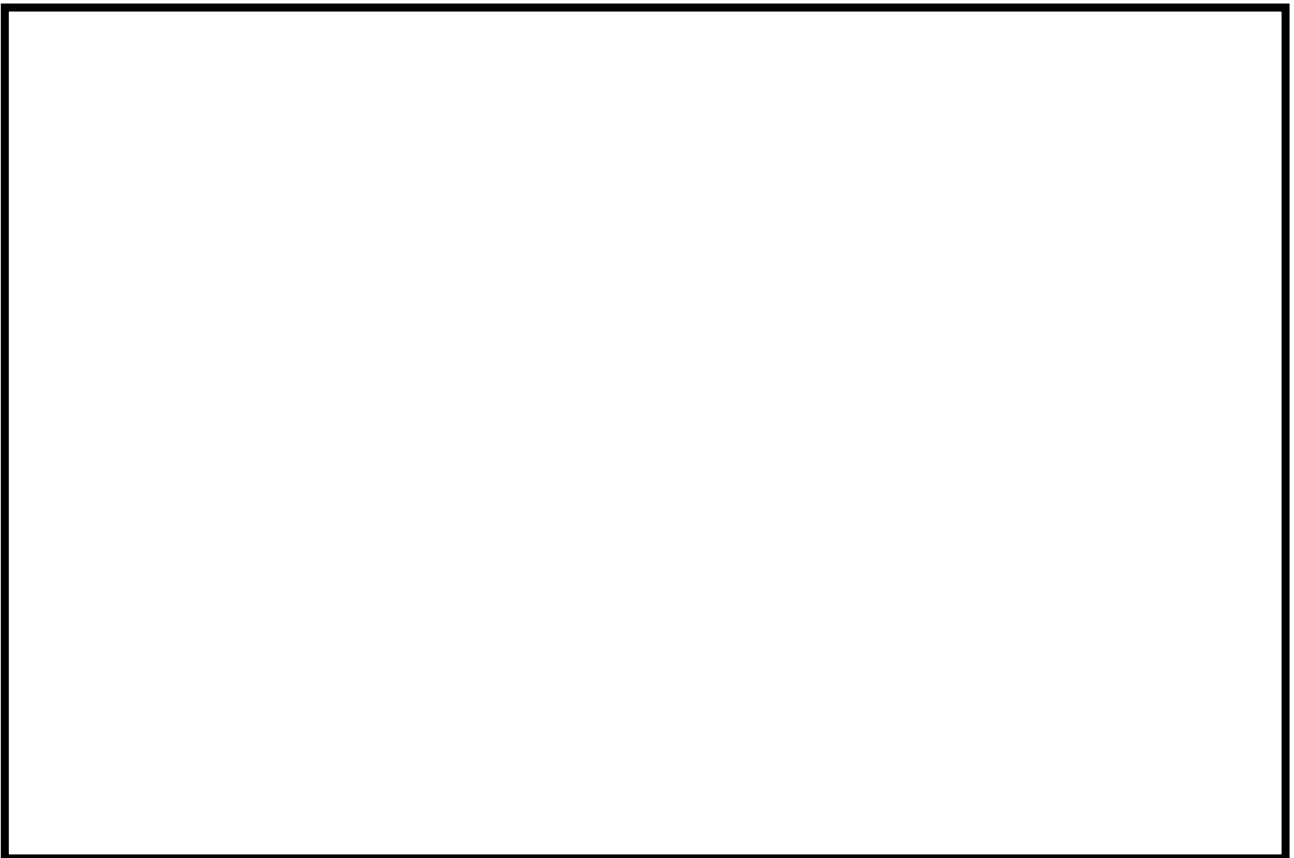
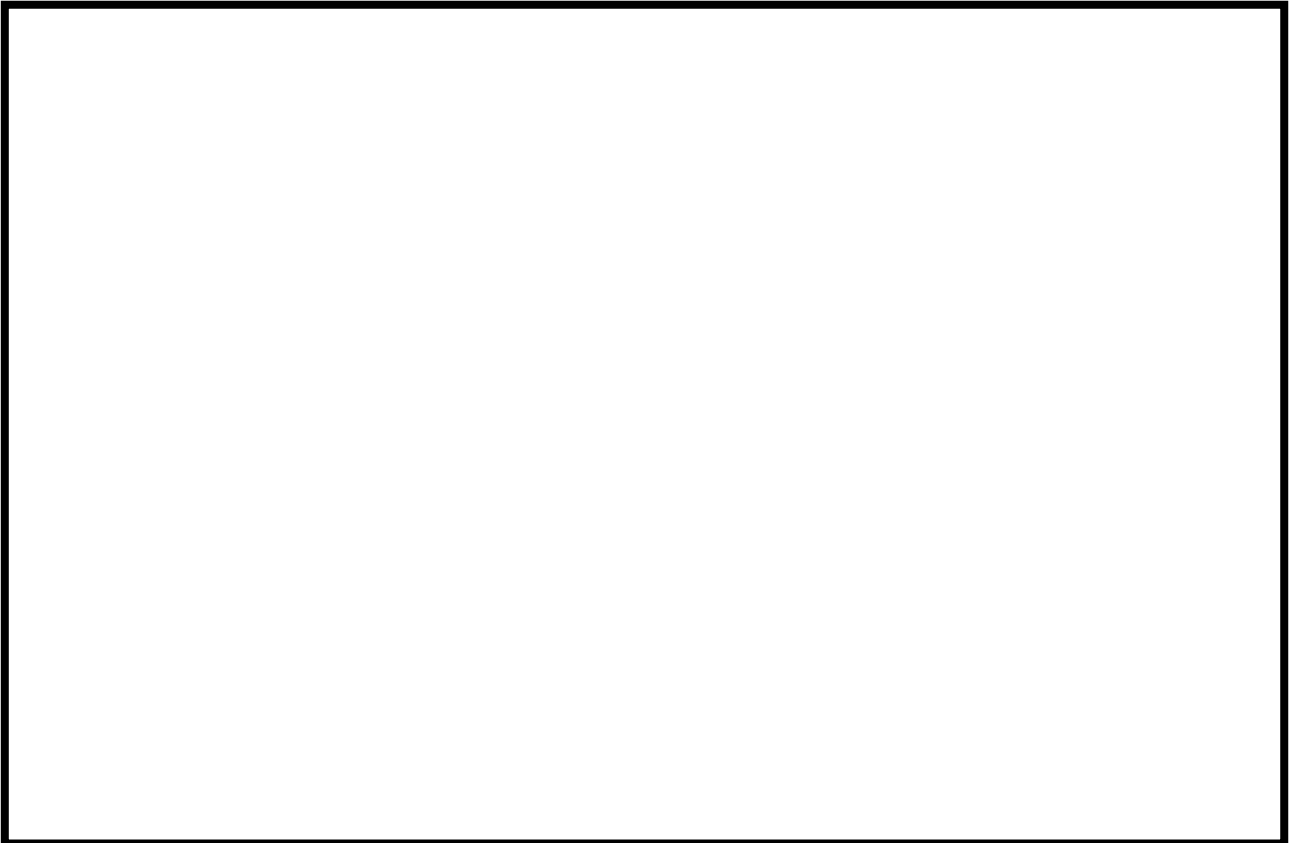
Trong năm doanh nghiệp kinh doanh lỗ: 1.070.957.882

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh năm 2016 lỗ. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 114, 115, 116, 117, 118, 119. (Biểu 2.19, 2.20, 2.21).

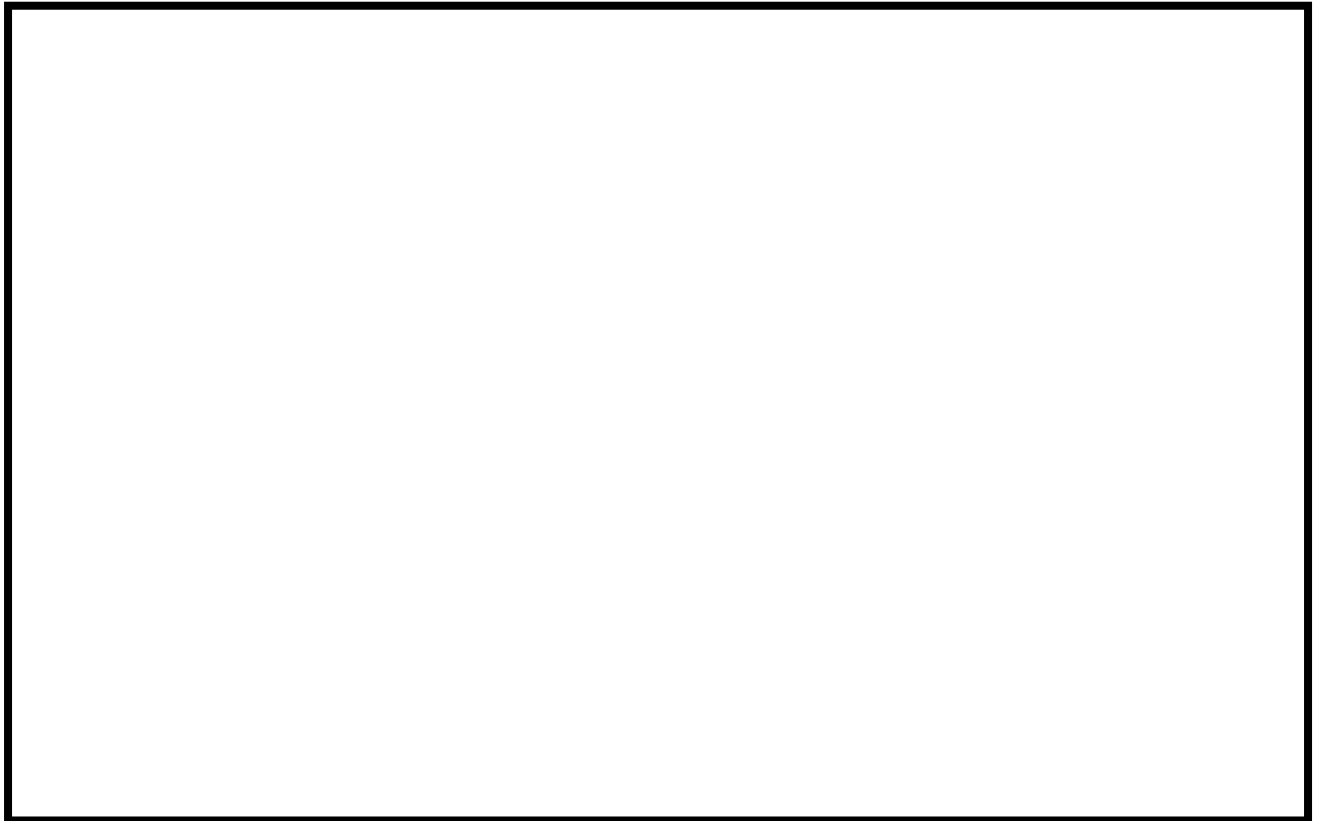
Từ phiếu kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu 2.22), sau đó từ Sổ nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu 2.23).

Cuối cùng, từ các sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu 2.24) và Báo cáo tài chính.

Biểu 2.19: Phiếu kế toán



Biểu 2.20: Phiếu kê toán



Biểu 2.21: Phiếu kế toán



Biểu 2.22: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CP Thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn, số 39/140 Đinh Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
31/12	PKT 114	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		7.895.175.839	
					911		7.895.175.839
31/12	PKT 115	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		170.824	
					911		170.824
31/12	PKT 116	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		8.004.602.909	
					632		8.004.602.909
31/12	PKT 117	31/12	K/c chi phí tài chính	911		460.644.693	
					635		460.644.693
31/12	PKT 118	31/12	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		501.056.943	
					642		501.056.943
31/12	PKT 119	31/12	K/c kết quả kinh doanh	421		1.070.957.882	
					911		1.070.957.882
	
			Cộng phát sinh			81.573.371.428	81.573.371.428

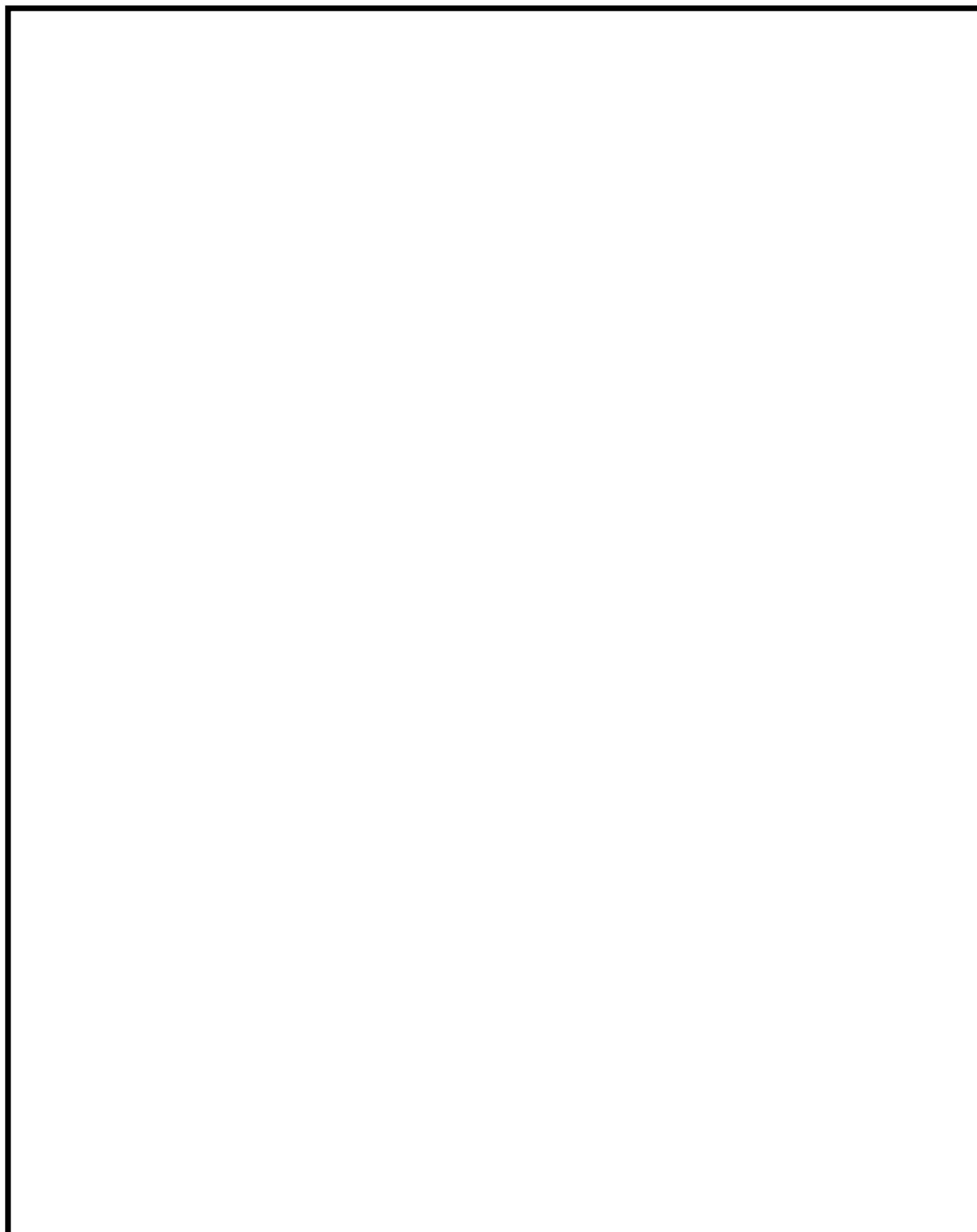
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

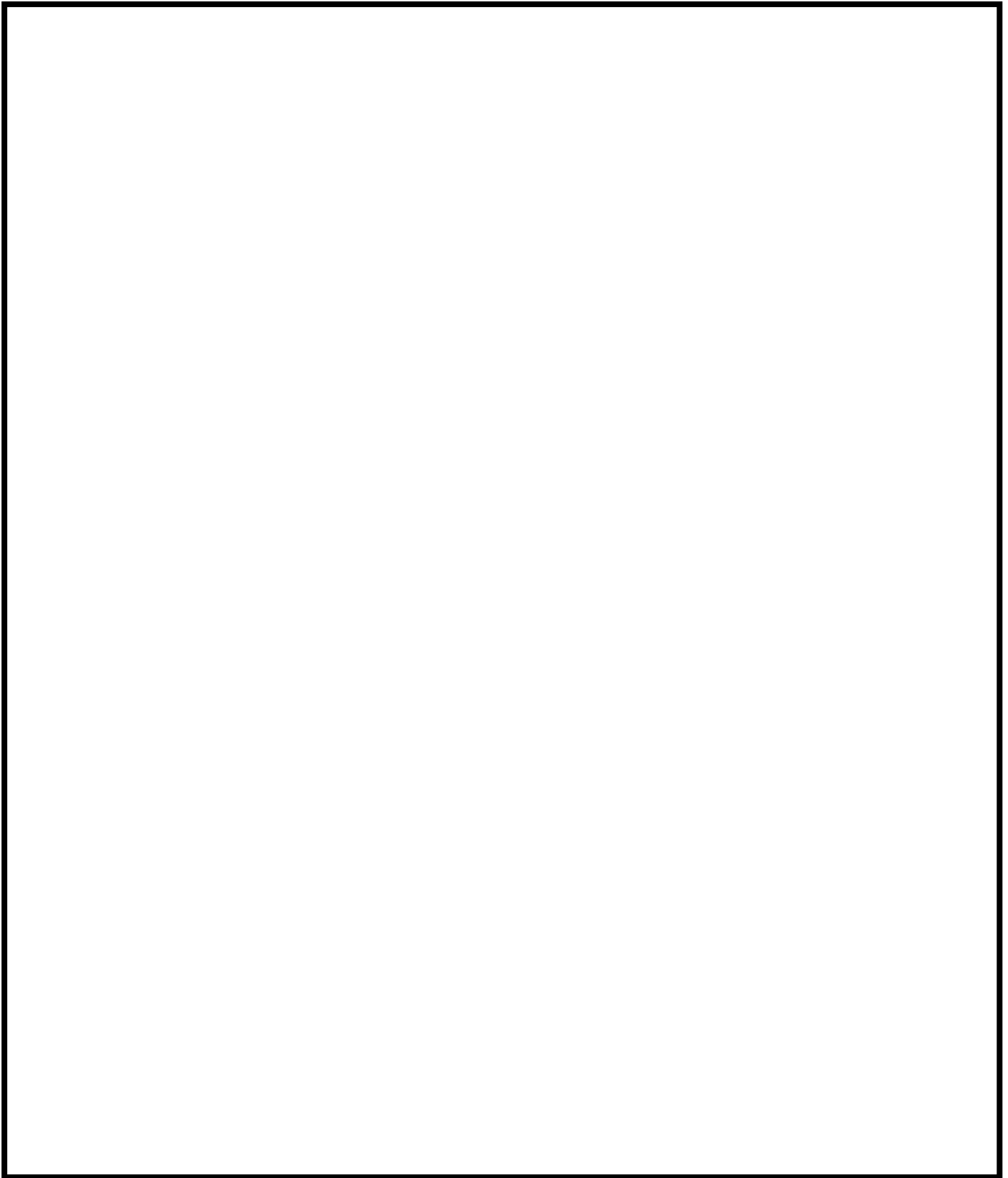
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.23: Sổ cái TK 911



Biểu 2.24: Báo cáo kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN
VẬN TẢI PHÚC SƠN****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CP THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN VẬN TẢI PHÚC SƠN.**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần Phúc Sơn em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

3.1.1. Ưu điểm**➤ Về tổ chức bộ máy kế toán :**

Công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

➤ Về hình thức:

Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” là phù hợp. Ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

➤ Về chứng từ:

- Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy, bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

➤ Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

➤ Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:

+ Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại đơn vị.

+ Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu đáp ứng yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty một cách tương đối kịp thời và chính xác.

3.1.2 Những mặt còn hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

❖ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Tin học hóa hệ thống kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác tạo điều kiện cho công tác quản lý.

Công ty có thể đi mua phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán FAST của Công ty cổ phần FAST.

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế- tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi và an toàn.

❖ Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 dẫn đến khó theo dõi từng loại chi phí phát sinh liên quan đến chi phí QLDN, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí. Công ty chưa mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng không theo dõi được doanh thu của từng mặt hàng.

❖ Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng khoản chiết khấu thanh toán. Khi công ty không thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

❖ Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán

Đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối kỳ, cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối năm rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn

3.2.3.1. Hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

Công ty hiện đang thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định 48 ban hành ngày 14/09/2006. Từ 2017 chuyển sang thông tư 133/2016/TT-BTC, phần mềm kế toán Misa 2017 có hỗ trợ doanh nghiệp làm theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

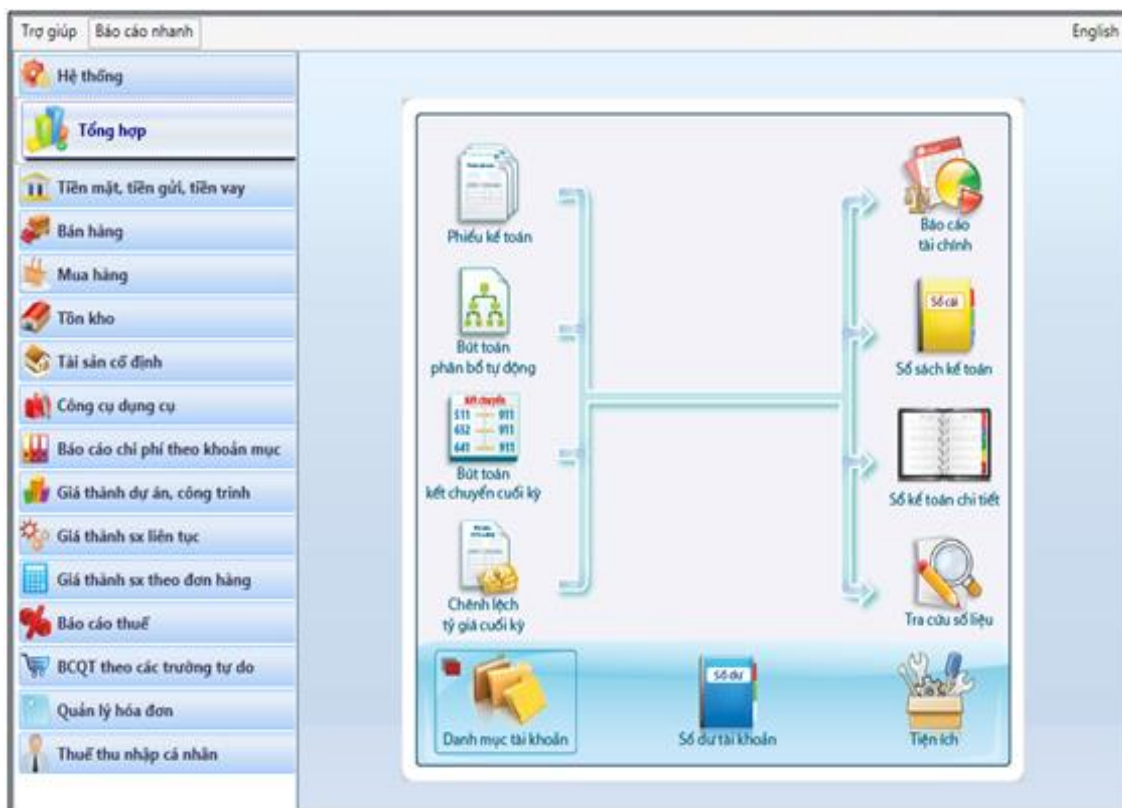
MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,...phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



Các phân hệ của MISA:

MISA SME.NET 2017 không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy tính với chi phí hợp lý.

* Phần mềm kế toán FAST Accounting 11



Giá: 6.000.000 - 8.000.000

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

3.2.3.2. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo tình hình dịch vụ tại công ty.

+ Khi hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại hình dịch vụ cung cấp nhằm nắm bắt chi tiết doanh

thu của từng loại dịch vụ. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược kinh doanh: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác...(Biểu số 3.1).

+ Đối với tài khoản 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp có các tài khoản cấp 2, nhưng vì số lượng các nghiệp vụ phát sinh là không nhiều nên theo em kế toán có thể lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho TK642 (Biểu số 3.2).

Biểu số 3.1 : Sổ chi tiết doanh thu

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): vận tải

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			...						
31/08	HĐ 0000244	31/08	Cước vận chuyển cho công ty SunRise	131			27.200.000		
			...						
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lợi nhuận gộp				4.932.740.000 4.932.740.000 4.213.440.477 719.299.523		

-Sổ này có...trang, đánh từ trang 01 đến trang...

-Ngày mở sổ

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí hoạt động kinh doanh

CTY CP TM & GNVT PHUC SON ĐC: Số 39/140 Đình Đông -Đông Hải-Lê Chân – HP MST:0201314976				Mẫu số S03b – DNN Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC						
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH Tên tài khoản: Chi phí quản lý _ TK 642 Từ ngày 01/12/2016 đến ngày 31/12/2016										
Đơn vị tính: đồng										
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản						
Ngày	Số			Tổng số tiền	6421	6422	6423	6425	6427	6428
		Số dư đầu kỳ		-	-	-	-	-	-	
		Số phát sinh trong kỳ								
...	
13/12	0932115	Thanh toán tiền điện thoại T11/2016 cho c.ty Mobiphone	111					2.040.537		
...	
28/12	0003605	Mua văn phòng phẩm	111		1.119.000					
...	
		Cộng số phát sinh trong kỳ								
		Tổng SPS		107.076.219	92.096.010	1.119.000	227.727	283.000	4.423.257	8.927.225
		Số dư cuối kỳ		-	-	-	-	-	-	
Người lập biểu				Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016 Giám đốc						

3.2.3.3. Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Theo em để áp dụng chiết khấu thanh toán trước tiên công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng. Xác định mức chiết khấu cho khách hàng cần phải dựa trên nhiều yếu tố như:

- Thời gian thanh toán
- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào chính sách kinh doanh của công ty...

Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét chi phí đầu tư khoản phải thu có bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước hạn quy định, khoản chiết khấu này sẽ được hạch toán vào tài khoản 635 - Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế công ty hiện nay và qua tìm hiểu, em được biết lãi suất tiền gửi ngân hàng SHB năm 2016 là 0,4%/tháng đối với khoản gửi nhỏ hơn 200.000.000 đồng. Em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

- + Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng
- + Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng
- + Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

VD: Ngày 01/12/2016 công ty vận chuyển cho Sao Mai 5 cont 40' với cước vận chuyển là 15.440.000(cả VAT). Hạn thanh toán là 21/12 . Đến ngày 11/12 Sao Mai đã thanh toán hết bằng tiền mặt .Sao Mai đã thanh toán sớm trước 10 ngày, do vậy khách hàng được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%

$$\text{➤ Số tiền chiết khấu} = \frac{0.6\% * 10}{31} * 15.440.000 = 29.883 \text{ đồng.}$$

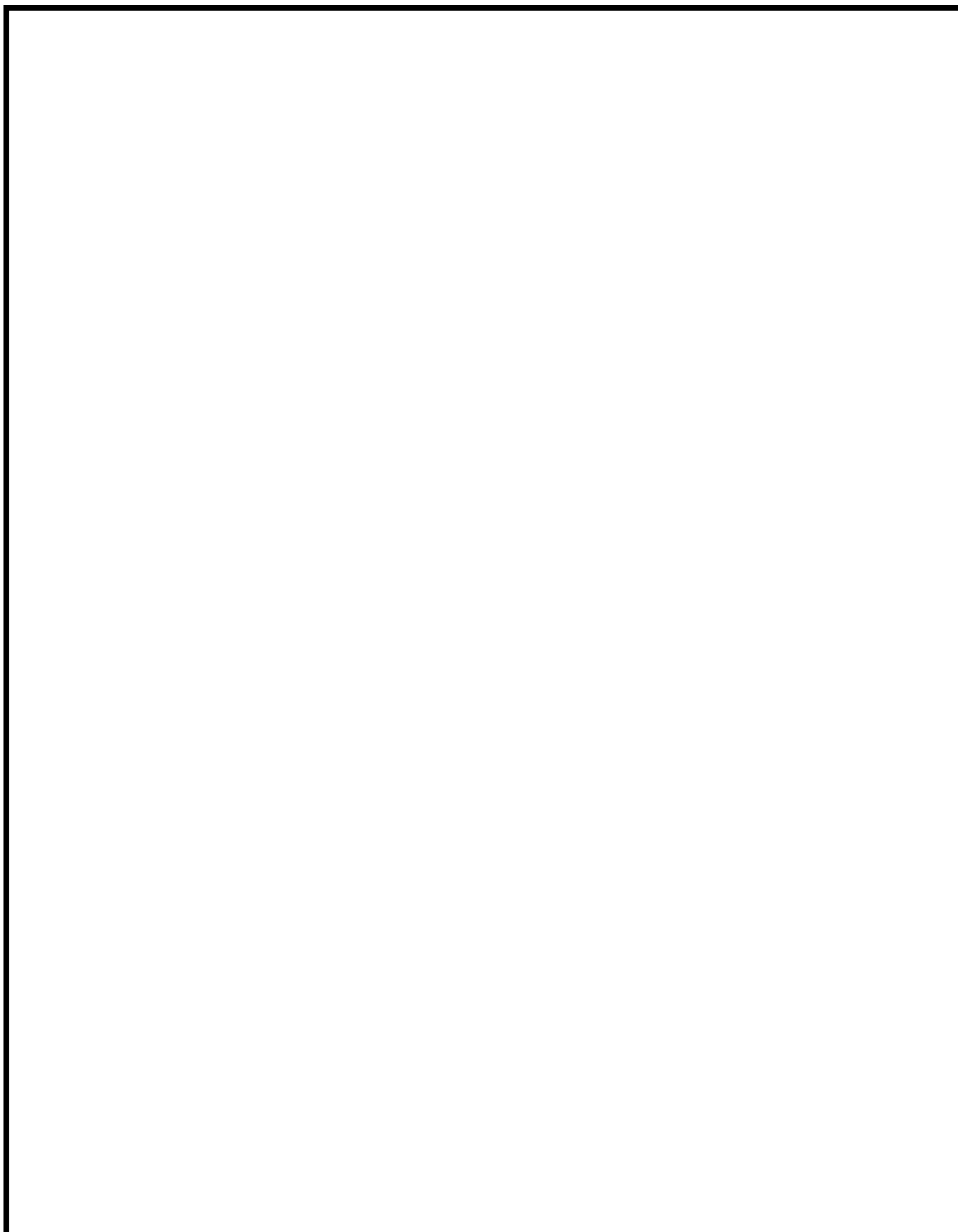
Định khoản: Nợ TK 635: 29.883

Có TK 111: 29.883

Kết chuyển: Nợ TK 911: 29.883

Có TK 635: 29.883

Biểu 3.3: Sổ cái TK 635



KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Sau một thời gian thực tập tại công ty, được tìm hiểu tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của công ty, kết hợp với những kiến thức đã được học trong nhà trường, em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp của mình. Trên cơ sở phân tích và quá trình vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, em đã mạnh dạn đề xuất những kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty, đặc biệt là công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn Cô giáo T.S Lê Thị Nam Phương, người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt thời gian qua để em có thể hoàn thành một cách tốt nhất Khóa luận tốt nghiệp của mình.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2018

Sinh viên

Vũ Hồng Hạnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
4. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS Nghiêm Văn Lợi.
5. Sổ sách, tài liệu công ty CP thương mại và giao nhận vận tải Phúc Sơn.